

Số: ~~1324~~/BC-ĐHYDCT

Cần Thơ, ngày 15 tháng 10 năm 2018

BÁO CÁO
Kết quả khảo sát sinh viên tốt nghiệp năm học 2017- 2018

Công tác khảo sát ý kiến sinh viên tốt nghiệp năm học 2017- 2018 được thực hiện theo kế hoạch số 709/KH-ĐHYDCT ngày 04/6/2018 của Hiệu trưởng trường Đại học Y Dược Cần Thơ.

I. Mục đích

Kết quả khảo sát năm học 2017- 2018 sẽ cung cấp một kênh thông tin, giúp Nhà trường, các Khoa/bộ môn và các đơn vị hỗ trợ đào tạo cải tiến liên tục các hoạt động đào tạo trong công tác đảm bảo chất lượng giáo dục đại học; nâng cao chất lượng đào tạo trong Nhà Trường về chương trình đào tạo đại học, chuẩn đầu ra, hoạt động đào tạo, các điều kiện đảm bảo chất lượng; bổ sung thông tin vào đề án tuyển sinh, thông tin tuyển sinh của Nhà trường theo quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo.

Hoạt động khảo sát giúp Nhà trường cải tiến quy trình khảo sát, bộ công cụ ngày càng khoa học, hợp lý và hiệu quả hơn.

Hoạt động khảo sát cũng đã tạo điều kiện để người học được phản ánh tâm tư, nguyện vọng và được thể hiện chính kiến của mình về chương trình đào tạo đại học, chuẩn đầu ra, hoạt động đào tạo, các điều kiện đảm bảo chất lượng.

II. Tổ chức khảo sát

2.1 Đối tượng khảo sát

Việc khảo sát được áp dụng cho tất cả sinh viên năm cuối của tất cả các ngành đào tạo đại học của hệ chính quy, hệ tập trung 4 năm và hệ vừa làm vừa học sắp tốt nghiệp, bao gồm: Y K38, Y học cổ truyền K38, Y học dự phòng K38, Răng hàm mặt K38, Dược K39, Điều dưỡng K40, Y tế công cộng K40, Xét nghiệm y học K40, Y K28, Y học cổ truyền K28, Dược K28, Điều dưỡng Phụ sản VLVH K28, Xét nghiệm y học VLVH K28 (phụ lục 1)

2.2 Nội dung khảo sát: Bộ câu hỏi khảo sát được xây dựng trên cơ sở tham khảo quy định về tiêu chuẩn chất lượng cơ sở giáo dục tại Thông tư 12/2017/BGDĐT và tiêu chuẩn chất lượng chương trình đào tạo tại Thông tư 04/2016/BGDĐT, gồm hai phần (phụ lục 2):

Phần 1: Khảo sát ý kiến về toàn khóa học (phụ lục - mẫu 1), cụ thể:

- Mục tiêu và nội dung chương trình đào tạo;
- Hoạt động giảng dạy trong khóa học;
- Tổ chức đào tạo và đánh giá sinh viên;
- Tài liệu và cơ sở vật chất phục vụ học tập;
- Công tác tư vấn, hỗ trợ sinh viên.

Phần 2: Tự đánh giá kết quả đạt được sau khi hoàn thành khóa đào tạo (phụ lục - mẫu 2), cụ thể:

- Đánh giá năng lực, kiến thức, kỹ năng đạt được;
- Đánh giá năng lực bản thân theo chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo.

2.3 Phương pháp, hình thức khảo sát, thời gian khảo sát

- Quy trình thực hiện được đảm bảo đúng theo nguyên tắc khảo sát, và các bước trong kế hoạch.

- Bộ câu hỏi được tích hợp vào hệ thống quản lý đào tạo và khảo sát trực tuyến từ ngày 08/6/2018 đến ngày 20/7/2018.

- Số liệu khảo sát được xuất ra từ hệ thống quản lý đào tạo qua phần mềm văn phòng xử lý số liệu, được tổng hợp, phân tích, thống kê mô tả.

II. KẾT QUẢ KHẢO SÁT SINH VIÊN TỐT NGHIỆP

2.1 Đặc điểm mẫu khảo sát

Bảng 1. Số lượng và tỉ lệ sinh viên chính quy tham gia khảo sát

TT	Nhóm/ ngành	Số lượng của nhóm	SL sinh viên trả lời khảo sát	Tỷ lệ khảo sát (%)
1	Nhóm I: Y đa khoa, Y học cổ truyền, Y học dự phòng, Răng hàm mặt, Y tế công cộng	1431	1268	88.61
2	Nhóm II: Dược	422	399	94.55
3	Nhóm III: Điều dưỡng đa khoa, Xét nghiệm y học; Điều dưỡng Phụ sản	502	458	91.24
	Tổng	2355	2125	90.23

Khảo sát được ý kiến của 2125/2355 sinh viên năm cuối (tỉ lệ 90.23%) (bảng 1), với các đối tượng chính quy, liên thông, vừa làm vừa học. Căn cứ theo đặc điểm của ngành, kết quả được chia theo 03 nhóm:

Nhóm I: Y đa khoa K38, Y học cổ truyền K38, Y học dự phòng K38, Răng hàm mặt K38, Y tế công cộng K40, Y K28, Y học cổ truyền K28

Nhóm II: Dược K39, Dược K28

Nhóm III: Điều dưỡng K40, Y tế công cộng K40, Xét nghiệm y học K40; Điều dưỡng Phụ sản VL\ VH K28, Xét nghiệm y học VLVH K28

2.2 Chất lượng của ngành đào tạo

2.2.1 Ý kiến về chương trình đào tạo

Đa số ý kiến sinh viên tốt nghiệp (83.01%) đồng ý và rất đồng ý về các tiêu chí của ngành đào tạo như chương trình đào tạo (ngành đào tạo) có mục tiêu rõ ràng, nội dung chương trình đào tạo phù hợp với mục tiêu đào tạo, các môn học được tổ chức một cách hệ thống theo chương trình kế hoạch hàng năm, các môn học trong chương trình đào tạo có sự gắn kết với nhau, cung cấp kỹ năng cơ bản và kỹ năng nghề nghiệp cho người học. Tuy nhiên, nhìn chung tỷ lệ đồng ý và rất đồng ý (83.01%) thấp hơn kết quả khảo sát của sinh viên tốt nghiệp năm học 2015-2016 (>90%, n=853) và năm học 2016-2017 (>85%, n=922). Tỷ lệ đồng ý và rất đồng ý về chương trình đào tạo của nhóm sinh viên Y đa khoa, Y học cổ truyền, Y học dự phòng, Răng hàm mặt, Y tế công cộng là thấp hơn so với Dược và nhóm Điều dưỡng đa khoa, Xét nghiệm y học; Điều dưỡng Phụ sản (tỷ lệ lần lượt là: 77.42%, 81.53%, 90.08%) (bảng 2, 3, 4).

Có sự tương đồng về sự ít đồng ý với “Chương trình đào tạo có khối lượng môn học đại cương (cơ bản) hợp lý” của tất cả các ngành đào tạo. Đặc biệt riêng nhóm Y đa khoa, Y học cổ truyền, Y học dự phòng, Răng hàm mặt, Y tế công cộng, có 29.64% ý kiến “Tạm chấp nhận”, “Ít đồng ý” và “không đồng ý” với “Chương trình đào tạo có khối lượng môn học đại cương (cơ bản) hợp lý” và 26.43% ý kiến về “Chương trình đào tạo có sự phân bổ tỷ lệ lý thuyết và thực hành hợp lý”, các nội dung khác, tỷ lệ ý kiến “Tạm chấp nhận”, “Ít đồng ý” và “không đồng ý” cũng chiếm tỷ lệ tương đối cao, dao động từ 18.29%-23.13% (bảng 2, 3, 4).

83.2% ý kiến đồng ý và rất đồng ý về Người học được khuyến khích tham gia nghiên cứu khoa học (bảng 5).

Bảng 2. Ý kiến của sinh viên Y đa khoa, Y học cổ truyền, Y học dự phòng, Răng hàm mặt, Y tế công cộng về chương trình đào tạo (n=1431)

TT	Nội dung	Rất đồng ý	Đồng ý	Tạm chấp nhận	Ít đồng ý	Không đồng ý
1	Chương trình đào tạo (ngành đào tạo) có mục tiêu rõ ràng.	32.45	49.16	16.14	1.77	0.48
2	Nội dung chương trình đào tạo phản ánh các mục tiêu của chương trình.	28.67	52.29	16.71	1.77	0.56
3	Chương trình đào tạo có khối lượng môn học đại cương (cơ bản) hợp lý.	24.50	45.86	21.29	7.31	1.04
4	Chương trình đào tạo có khối lượng môn học chuyên ngành hợp lý.	27.71	49.80	18.71	3.05	0.72
5	Các môn học trong chương trình đào tạo có sự gắn kết với nhau.	26.91	50.84	19.28	2.65	0.32
6	Chương trình đào tạo có sự phân bổ tỷ lệ lý thuyết và thực hành hợp lý.	26.10	47.47	21.53	4.34	0.56
7	Chương trình đào tạo bao gồm những môn học cung cấp kỹ năng cơ bản và kỹ năng nghề nghiệp.	26.75	52.61	18.15	2.09	0.40
8	Sinh viên có đủ thông tin về chương trình đào tạo trong quá trình học tập.	25.86	53.01	19.12	1.37	0.64
9	Sinh viên tự tin đã hiểu biết về chương trình đào tạo.	22.81	54.06	19.84	2.73	0.56
	Tổng	26.86	50.57	18.97	3.01	0.59

Bảng 3. Ý kiến của sinh viên Dược về chương trình đào tạo (n=422)

T	Nội dung	Rất đồng ý	Đồng ý	Tạm chấp nhận	Ít đồng ý	Không đồng ý
1	Chương trình đào tạo (ngành đào tạo) có mục tiêu rõ ràng.	35.08	52.88	10.47	1.31	0.26
2	Nội dung chương trình đào tạo phản ánh các mục tiêu của chương trình.	28.80	56.81	13.35	0.52	0.52
3	Chương trình đào tạo có khối lượng môn học đại cương (cơ bản) hợp lý.	26.44	45.55	22.25	4.71	1.05
4	Chương trình đào tạo có khối lượng môn học chuyên ngành hợp lý.	31.41	53.66	13.35	1.57	0.00
5	Các môn học trong chương trình đào tạo có sự gắn kết với nhau.	31.94	51.05	14.92	1.83	0.26
6	Chương trình đào tạo có sự phân bổ tỷ lệ lý thuyết và thực hành hợp lý.	26.96	51.05	18.85	2.62	0.52
7	Chương trình đào tạo bao gồm những môn	26.96	51.31	18.59	2.36	0.79

T T	Nội dung	Rất đồng ý	Đồng ý	Tạm chấp nhận	Ít đồng ý	Không đồng ý
	học cung cấp kỹ năng cơ bản và kỹ năng nghề nghiệp.					
8	Sinh viên có đủ thông tin về chương trình đào tạo trong quá trình học tập.	32.20	54.19	12.83	0.26	0.52
9	Sinh viên tự tin đã hiểu biết về chương trình đào tạo.	24.87	52.62	20.94	1.05	0.52
	Tổng	29.41	52.12	16.17	1.80	0.49

Bảng 4. Ý kiến của sinh viên Điều dưỡng đa khoa, Xét nghiệm y học; Điều dưỡng Phụ sản về chương trình đào tạo (n=502)

T T	Nội dung	Rất đồng ý	Đồng ý	Tạm chấp nhận	Ít đồng ý	Khôn g đồng ý
1	Chương trình đào tạo (ngành đào tạo) có mục tiêu rõ ràng.	51.76	44.22	3.02	0.25	0.50
2	Nội dung chương trình đào tạo phản ánh các mục tiêu của chương trình.	42.71	51.51	4.77	0.50	0.25
3	Chương trình đào tạo có khối lượng môn học đại cương (cơ bản) hợp lý.	36.18	44.97	15.58	2.51	0.50
4	Chương trình đào tạo có khối lượng môn học chuyên ngành hợp lý.	44.47	46.48	7.54	1.01	0.25
5	Các môn học trong chương trình đào tạo có sự gắn kết với nhau.	38.19	51.51	9.30	0.50	0.25
6	Chương trình đào tạo có sự phân bổ tỷ lệ lý thuyết và thực hành hợp lý.	37.94	50.50	9.55	1.51	0.25
7	Chương trình đào tạo bao gồm những môn học cung cấp kỹ năng cơ bản và kỹ năng nghề nghiệp.	41.46	49.75	7.79	0.50	0.25
8	Sinh viên có đủ thông tin về chương trình đào tạo trong quá trình học tập.	39.45	51.51	8.54	0.00	0.25
9	Sinh viên tự tin đã hiểu biết về chương trình đào tạo.	32.91	55.28	10.55	0.50	0.25
	Tổng	40.56	49.53	8.52	0.81	0.31

Bảng 5. Người học được khuyến khích tham gia nghiên cứu khoa học

TT	Ngành học	Rất đồng ý	Đồng ý	Tạm chấp nhận	Ít đồng ý	Không đồng ý
1	Y đa khoa, Y học cổ truyền, Y học dự phòng, Răng hàm mặt, Y tế công cộng	37.2	43.1	15.6	3.2	0.9
2	Dược	38.3	43.1	16.3	1.5	0.8
3	Điều dưỡng đa khoa, Xét nghiệm y học; Điều dưỡng Phụ sản	46.9	41	10.5	0.9	0.7
	Tổng	40.80	42.40	14.13	1.87	0.80

2.2.2 Ý kiến về hoạt động đào tạo

Tỷ lệ cao sinh viên Y đa khoa, Y học cổ truyền, Y học dự phòng, Răng hàm mặt, Y tế công cộng về hoạt động đào tạo đồng ý và rất đồng ý về “Đại đa số giảng viên giảng dạy khoá học có kiến thức chuyên môn cao” và “Sinh viên được thông báo đầy đủ về tiêu chí đánh giá kết quả học tập”. Tỷ lệ cao “Tạm chấp nhận”, “Ít đồng ý” và “không đồng ý” về “Đại đa số giảng viên giảng dạy khoá học lắng nghe quan điểm của SV và sẵn sàng chia sẻ quan điểm của mình”, “Kế hoạch học tập được thông báo kịp thời cho sinh viên” và “Kế hoạch học tập tạo thuận lợi cho sinh viên: lựa chọn môn học, lịch học, tự học, tự nghiên cứu và sinh hoạt” (bảng 6)

Hầu hết sinh viên Dược có tỷ lệ cao đồng ý và rất đồng ý tất cả các nội dung đánh giá về hoạt động đào tạo, đặc biệt là “Đại đa số giảng viên giảng dạy khoá học có kiến thức chuyên môn cao”, “Các hình thức kiểm tra đánh giá phù hợp với mục tiêu chương trình”, và “Sinh viên được thông báo đầy đủ về tiêu chí đánh giá kết quả học tập”. Tỷ lệ cao “Tạm chấp nhận”, “Ít đồng ý” và “không đồng ý” về “Kế hoạch học tập tạo thuận lợi cho sinh viên: lựa chọn môn học, lịch học, tự học, tự nghiên cứu và sinh hoạt” và “Kết quả đánh giá phản ánh đúng năng lực của sinh viên (bảng 7).

Sinh viên Điều dưỡng đa khoa, Xét nghiệm y học; Điều dưỡng Phụ sản có tỷ lệ rất cao đồng ý và rất đồng ý và bao phủ tất cả các nội dung đánh giá về hoạt động đào tạo, đặc biệt là “Hoạt động giảng dạy của khóa học gắn với định hướng nghề nghiệp”, “Đại đa số giảng viên giảng dạy khoá học có kiến thức chuyên môn cao”, “Các hình thức kiểm tra đánh giá phù hợp với mục tiêu chương trình”, “Kế hoạch học tập được thông báo kịp thời cho sinh viên” và “Sinh viên được thông báo đầy đủ về tiêu chí đánh giá kết quả học tập”. Tỷ lệ rất thấp “Tạm chấp nhận”, “Ít đồng ý” và “không đồng ý” cho tất cả các nội dung (bảng 8).

Bảng 6. Ý kiến của sinh viên Y đa khoa, Y học cổ truyền, Y học dự phòng, Răng hàm mặt, Y tế công cộng về hoạt động đào tạo (n=1431)

TT	Nội dung	Rất đồng ý	Đồng ý	Tạm chấp nhận	Ít đồng ý	Không đồng ý
1	Hoạt động giảng dạy của khóa học gắn với định hướng nghề nghiệp.	27.55	51.08	18.07	2.65	0.64
2	Đại đa số giảng viên giảng dạy khoá học có kiến thức chuyên môn cao.	31.49	52.53	14.06	1.61	0.32
3	Đại đa số giảng viên giảng dạy khoá học có phương pháp giảng dạy phù hợp.	25.70	49.32	20.80	3.37	0.80
4	Đại đa số giảng viên giảng dạy khoá học giúp sinh viên biết liên hệ giữa các vấn đề trong lý thuyết với thực tiễn.	26.43	48.59	20.80	3.69	0.48
5	Đại đa số giảng viên giảng dạy khoá học lắng nghe quan điểm của SV và sẵn sàng chia sẻ quan điểm của mình.	25.14	47.63	22.09	4.10	1.04
6	Các hình thức kiểm tra đánh giá phù hợp với mục tiêu chương trình.	26.27	51.89	19.68	1.45	0.72
7	Kế hoạch học tập được thông báo kịp thời cho sinh viên.	24.74	46.35	22.01	5.62	1.29
8	Sinh viên được thông báo đầy đủ về tiêu chí đánh giá kết quả học tập.	26.67	52.85	17.75	1.93	0.80
9	Kế hoạch học tập tạo thuận lợi cho sinh viên: lựa chọn môn học, lịch học, tự học, tự nghiên cứu và sinh hoạt.	24.26	46.59	22.65	5.22	1.29
10	Kết quả đánh giá phản ánh đúng năng lực của sinh viên.	24.42	49.48	21.37	3.69	1.04
11	Kết quả kiểm tra đánh giá được công bố kịp thời cho sinh viên.	22.65	48.76	21.93	5.38	1.29

Bảng 7. Ý kiến của sinh viên Dược về hoạt động đào tạo (n=422)

TT	Nội dung	Rất đồng ý	Đồng ý	Tạm chấp nhận	Ít đồng ý	Không đồng ý
1	Hoạt động giảng dạy của khóa học gắn với định hướng nghề nghiệp.	28.80	49.21	20.94	0.52	0.52
2	Đại đa số giảng viên giảng dạy khoá học có kiến thức chuyên môn cao.	39.79	50.26	9.42	0.26	0.26
3	Đại đa số giảng viên giảng dạy khoá học có phương pháp giảng dạy phù hợp.	26.96	52.62	17.02	3.14	0.26
4	Đại đa số giảng viên giảng dạy khoá học giúp sinh viên biết liên hệ giữa các vấn đề	26.70	50.79	20.68	1.57	0.26

TT	Nội dung	Rất đồng ý	Đồng ý	Tạm chấp nhận	Ít đồng ý	Không đồng ý
	trong lý thuyết với thực tiễn.					
5	Đại đa số giảng viên giảng dạy khoá học lắng nghe quan điểm của SV và sẵn sàng chia sẻ quan điểm của mình.	25.92	52.62	18.85	2.09	0.52
6	Các hình thức kiểm tra đánh giá phù hợp với mục tiêu chương trình.	25.13	56.28	16.75	1.57	0.26
7	Kế hoạch học tập được thông báo kịp thời cho sinh viên.	30.10	47.12	15.97	6.28	0.52
8	Sinh viên được thông báo đầy đủ về tiêu chí đánh giá kết quả học tập.	31.41	53.66	13.09	1.57	0.26
9	Kế hoạch học tập tạo thuận lợi cho sinh viên: lựa chọn môn học, lịch học, tự học, tự nghiên cứu và sinh hoạt.	23.82	45.03	20.16	9.16	1.83
10	Kết quả đánh giá phản ánh đúng năng lực của sinh viên.	23.56	54.97	19.37	1.83	0.26
11	Kết quả kiểm tra đánh giá được công bố kịp thời cho sinh viên.	25.65	46.86	21.99	4.45	1.05
	Tổng	27.99	50.86	17.66	2.95	0.55

Bảng 8. Ý kiến của sinh viên Điều dưỡng đa khoa, Xét nghiệm y học; Điều dưỡng Phụ sản về hoạt động đào tạo (n=502)

TT	Nội dung	Rất đồng ý	Đồng ý	Tạm chấp nhận	Ít đồng ý	Không đồng ý
1	Hoạt động giảng dạy của khóa học gắn với định hướng nghề nghiệp.	40.20	51.26	7.79	0.00	0.25
2	Đại đa số giảng viên giảng dạy khoá học có kiến thức chuyên môn cao.	47.49	44.72	7.04	0.25	0.25
3	Đại đa số giảng viên giảng dạy khoá học có phương pháp giảng dạy phù hợp.	39.20	48.74	9.80	1.51	0.25
4	Đại đa số giảng viên giảng dạy khoá học giúp sinh viên biết liên hệ giữa các vấn đề trong lý thuyết với thực tiễn.	39.20	46.73	12.56	1.01	0.25
5	Đại đa số giảng viên giảng dạy khoá học lắng nghe quan điểm của SV và sẵn sàng chia sẻ quan điểm của mình.	38.69	46.48	13.07	1.01	0.25
6	Các hình thức kiểm tra đánh giá phù hợp với mục tiêu chương trình.	39.20	52.01	7.29	0.75	0.50
7	Kế hoạch học tập được thông báo kịp thời cho sinh viên.	43.22	47.74	8.04	0.25	0.50

TT	Nội dung	Rất đồng ý	Đồng ý	Tạm chấp nhận	Ít đồng ý	Không đồng ý
8	Sinh viên được thông báo đầy đủ về tiêu chí đánh giá kết quả học tập.	41.71	50.75	6.53	0.50	0.25
9	Kế hoạch học tập tạo thuận lợi cho sinh viên: lựa chọn môn học, lịch học, tự học, tự nghiên cứu và sinh hoạt.	35.43	50.75	10.30	2.51	0.75
10	Kết quả đánh giá phản ánh đúng năng lực của sinh viên.	37.44	50.00	10.55	1.26	0.50
11	Kết quả kiểm tra đánh giá được công bố kịp thời cho sinh viên.	38.19	50.75	9.30	1.01	0.50
	Tổng	40.00	49.08	9.30	0.91	0.39

2.2.3 Khóa học cung cấp kiến thức và kỹ năng chuyên ngành

Tỷ lệ sinh viên rất đồng ý về CTĐT cung cấp cho sinh viên “những kiến thức cần thiết, những kỹ năng nghề nghiệp” có sự khác biệt giữa 03 nhóm, tỷ lệ rất đồng ý cao nhất là nhóm Điều dưỡng đa khoa, Xét nghiệm y học; Điều dưỡng Phụ sản; thấp nhất là nhóm Y đa khoa, Y học cổ truyền, Y học dự phòng, Răng hàm mặt, Y tế công cộng (bảng 9, 10). 87% sinh viên đồng ý và rất đồng ý Khóa học giúp sinh viên phát triển phẩm chất người học cần có (đạo đức, nhân cách, lối sống, tinh thần trách nhiệm, ý thức kỷ luật,...) (bảng 11).

Bảng 9. Khóa học cung cấp cho sinh viên những kiến thức cần thiết

T	Ngành học	Rất đồng ý	Đồng ý	Tạm chấp nhận	Ít đồng ý	Không đồng ý
1	Y đa khoa, Y học cổ truyền, Y học dự phòng, Răng hàm mặt, Y tế công cộng	39.4	49.8	9.5	1	0.4
2	Dược	48.1	44.1	7.5	0	0.3
3	Điều dưỡng đa khoa, Xét nghiệm y học; Điều dưỡng Phụ sản	61.8	34.5	3.5	0.2	0
	Tổng	49.77	42.80	6.83	0.40	0.23

Bảng 10. Khóa học giúp sinh viên có được những kỹ năng nghề nghiệp

TT	Ngành học	Rất đồng ý	Đồng ý	Tạm chấp nhận	Ít đồng ý	Không đồng ý
1	Y đa khoa, Y học cổ truyền, Y học dự phòng, Răng hàm mặt, Y tế công cộng	39.3	47.7	11.8	0.8	0.5
2	Dược	40.9	44.6	12.5	1.5	0.5
3	Điều dưỡng đa khoa, Xét nghiệm y học; Điều dưỡng Phụ sản	60.7	34.5	4.4	0.4	0
	Tổng	46.97	42.27	9.57	0.90	0.33

Bảng 11. Khóa học giúp sinh viên phát triển phẩm chất người học cần có (đạo đức, nhân cách, lối sống, tinh thần trách nhiệm, ý thức kỷ luật,...).

TT	Ngành học	Rất đồng ý	Đồng ý	Tạm chấp nhận	Ít đồng ý	Không đồng ý
1	Y đa khoa, Y học cổ truyền, Y học dự phòng, Răng hàm mặt, Y tế công cộng	30.04	52.13	16.31	1.04	0.48
2	Dược	33.77	52.09	12.30	1.31	0.52
3	Điều dưỡng đa khoa, Xét nghiệm y học; Điều dưỡng Phụ sản	42.21	50.75	6.28	0.25	0.25
	Tổng	35.34	51.66	1.63	0.87	0.42

Sinh viên tự đánh giá mức độ đạt về kiến thức sau khóa học: có sự tương đồng giữa các nhóm ngành về mức độ đạt Kiến thức văn hóa, xã hội (bảng 12). Có sự khác biệt giữa về mức độ đạt giữa nhóm 1 so với hai nhóm 2 và 3 về kiến thức cơ bản, kiến thức chuyên ngành, khả năng ứng dụng kiến thức vào thực tiễn (bảng 13, 14, 15); đặc biệt với nhóm 1, tỷ lệ đánh giá mức độ đạt rất tốt về kiến thức chuyên ngành là thấp (23.6%) (bảng 14)

Bảng 12. Mức độ đạt về Kiến thức chung về văn hóa, xã hội

TT	Ngành học	Rất tốt	Tốt	Trung bình	Yếu	Kém
1	Y đa khoa, Y học cổ truyền, Y học dự phòng, Răng hàm mặt, Y tế công cộng	31.8	52.8	14.6	0.5	0.3
2	Dược	30.6	54.6	14.8	0	0
3	Điều dưỡng đa khoa, Xét nghiệm y học; Điều dưỡng Phụ sản	37.3	55.7	7	0	0
	Tổng	33.23	54.37	12.13	0.17	0.10

Bảng 13. Mức độ đạt về kiến thức cơ bản

TT	Ngành học	Rất tốt	Tốt	Trung bình	Yếu	Kém
1	Y đa khoa, Y học cổ truyền, Y học dự phòng, Răng hàm mặt, Y tế công cộng	32.1	51.7	15.3	0.6	0.3
2	Dược	35.8	52.4	11.5	0	0.3
3	Điều dưỡng đa khoa, Xét nghiệm y học; Điều dưỡng Phụ sản	46.3	47.4	6.1	0	0.2
	Tổng	38.07	50.50	10.97	0.20	0.27

Bảng 14. Mức độ đạt về kiến thức chuyên ngành

TT	Ngành học	Rất tốt	Tốt	Trung bình	Yếu	Kém
1	Y đa khoa, Y học cổ truyền, Y học dự phòng, Răng hàm mặt, Y tế công	23.6	56.9	18.6	0.5	0.4

TT	Ngành học	Rất tốt	Tốt	Trung bình	Yếu	Kém
	cộng					
2	Dược	26.3	60.9	12	0.5	0.3
3	Điều dưỡng đa khoa, Xét nghiệm y học; Điều dưỡng Phụ sản	39.5	54.6	5.9	0	0
	Tổng	29.80	57.47	12.17	0.33	0.23

Bảng 15. Mức độ đạt về Khả năng ứng dụng kiến thức vào thực tiễn

TT	Ngành học	Rất tốt	Tốt	Trung bình	Yếu	Kém
1	Y đa khoa, Y học cổ truyền, Y học dự phòng, Răng hàm mặt, Y tế công cộng	30	54.1	15.2	0.6	0.2
2	Dược	32.6	53.9	13	0.5	0
3	Điều dưỡng đa khoa, Xét nghiệm y học; Điều dưỡng Phụ sản	47.4	45.9	6.1	0.4	0.2
	Tổng	36.67	51.30	11.43	0.50	0.13

2.2.4 Mức độ đạt theo chuẩn đầu ra

Sinh viên tự đánh giá năng lực đạt được khi tốt nghiệp so với chuẩn đầu ra: Mức độ đạt tốt và rất tốt của nhóm 3 cao hơn nhóm 2 và nhóm 1 (nhóm 1: 64.5%, nhóm 2: 70.96%, nhóm 3: 85.48%) (bảng 16, 17, 18)

Tự đánh giá mức độ đạt theo chuẩn đầu ra của sinh viên nhóm 1 với tỷ lệ rất tốt: 17.86%, tốt: 46.64%, trung bình: 30.41%, yếu: 4.34%, kém: 0.74% (bảng 16)

Các chuẩn đầu ra có tỷ lệ trung bình, yếu kém >35% là:

- Áp dụng được y học cổ truyền trong công tác phòng và chữa bệnh
- Chẩn đoán và xử trí được các bệnh phổ biến và các trường hợp cấp cứu
- Chẩn đoán, định hướng điều trị một số bệnh chuyên khoa
- Có phương pháp luận khoa học trong công tác phòng bệnh, chữa bệnh và nghiên cứu khoa học
- Đề xuất những biện pháp xử lý thích hợp để chăm sóc, nâng cao sức khỏe cộng đồng và bảo vệ môi trường sức khỏe
- Nắm được nguyên tắc cơ bản về điều trị, xử trí được một số bệnh thuộc lĩnh vực chuyên khoa sâu và kỹ thuật hiện mới
- Phát hiện sớm các bệnh dịch tại địa phương công tác và đề xuất được các biện pháp phòng chống dịch phù hợp và tham gia tổ chức phòng chống dịch
- Sử dụng tối thiểu được một ngoại ngữ để đọc, hiểu và dịch được tài liệu chuyên môn

Có hai chuẩn đầu ra có tỷ lệ đánh giá mức đạt tốt, rất tốt >70% là:

- Có khả năng vi tính đáp ứng được yêu cầu công việc
- Nắm được kiến thức cơ bản về y học cơ sở, triệu chứng học, bệnh học, chẩn đoán, xử trí được các bệnh phổ biến tại cơ sở y tế

Tự đánh giá mức độ đạt theo chuẩn đầu ra của sinh viên nhóm 2 với tỷ lệ rất tốt: 17.19%, tốt: 53.77%, trung bình: 24.77%, yếu: 3.85%, kém: 0.48% (bảng 17)

Chỉ có 02 chuẩn đầu ra có tỷ lệ trung bình, yếu kém >35% là:

- Có phương pháp luận khoa học trong các công tác chuyên môn và nghiên cứu
- Sử dụng tối thiểu được một ngoại ngữ để đọc, hiểu và dịch được tài liệu chuyên môn

Có 6/10 chuẩn đầu ra có tỷ lệ đánh giá mức đạt tốt, rất tốt từ >73% đến 79.2% là:

- Có khả năng vi tính đáp ứng được yêu cầu công việc
- Có đủ kiến thức khoa học cơ bản và y dược học cơ sở; kiến thức chuyên ngành để có thể vận dụng vào việc: tư vấn, hướng dẫn sử dụng thuốc an toàn, hợp lý; sản xuất thuốc và đảm bảo chất lượng thuốc trong quá trình tồn trữ, lưu thông và phân phối
- Có khả năng thông tin thuốc và tham gia giáo dục cộng đồng về thuốc
- Có khả năng thực hiện và kiểm tra việc thực hiện các quy định, pháp luật về dược
- Nắm vững các quy định của pháp luật và chính sách liên quan đến công tác bảo vệ, chăm sóc, nâng cao sức khỏe nhân dân
- Thực hành tốt trong các lĩnh vực: sản xuất, kiểm nghiệm, tồn trữ, phân phối và tư vấn sử dụng đối với nguyên liệu làm thuốc, các dạng thuốc, mỹ phẩm và thực phẩm chức năng

Tự đánh giá mức độ đạt theo chuẩn đầu ra của sinh viên nhóm 3 với tỷ lệ rất tốt: 26.96%, tốt: 58.51%, trung bình: 12.63%, yếu: 1.63%, kém: 0.23% (bảng 18)

Chỉ có 02 chuẩn đầu ra có tỷ lệ trung bình, yếu kém thấp hơn các chuẩn đầu ra khác là:

- Sử dụng tối thiểu được một ngoại ngữ để đọc, hiểu và dịch được tài liệu chuyên môn (41.2%)
- Tham gia công tác quản lý ngành, thực hành nghiên cứu khoa học điều dưỡng, tổ chức và đào tạo cán bộ điều dưỡng, nhân viên y tế (27.4%)

Còn lại 12/14 chuẩn đầu ra có tỷ lệ đánh giá mức đạt tốt, rất tốt từ >83% đến 91%

Như vậy, tự đánh giá mức độ đạt theo chuẩn đầu ra của sinh viên ngành Điều dưỡng đa khoa, Xét nghiệm y học; Điều dưỡng Phụ sản là tốt nhất

Bảng 16. Mức độ đạt theo chuẩn đầu ra của sinh viên Y đa khoa, Y học cổ truyền, Y học dự phòng, Răng hàm mặt, Y tế công cộng (n=1431)

TT	Chuẩn đầu ra	Rất tốt	Tốt	Trung bình	Yếu	Kém
1	Áp dụng được y học cổ truyền trong công tác phòng và chữa bệnh	18.9	36.1	32.3	10.8	1.8
2	Chẩn đoán và xử trí được các bệnh phổ biến và các trường hợp cấp cứu	17.8	46.8	30.8	4.1	0.5
3	Chẩn đoán, định hướng điều trị một số bệnh chuyên khoa	17.3	46.4	30	5.2	1.2
4	Chỉ định đánh giá được một số xét nghiệm và kỹ thuật thăm dò chức năng cơ bản phục vụ cho chẩn đoán các bệnh thông thường	16.8	49.8	29.3	3.1	1
5	Có khả năng vi tính đáp ứng được yêu cầu công việc	20.4	50.7	26.7	1.8	0.3
6	Có phương pháp luận khoa học trong công tác phòng bệnh, chữa bệnh và nghiên cứu khoa học	15	45.6	34.9	4	0.5
7	Đề xuất những biện pháp xử lý thích hợp để chăm sóc, nâng cao sức khỏe cộng đồng và bảo vệ môi trường sức khỏe	17.8	46.8	32.1	2.7	0.6
8	Hiểu biết luật pháp, chính sách của Nhà nước về công tác chăm sóc, bảo vệ và nâng cao sức khỏe nhân dân	21.1	45.4	28.9	4	0.6
9	Nắm được kiến thức cơ bản về y học cơ sở, triệu chứng học, bệnh học, chẩn đoán, xử trí được các bệnh phổ biến tại cơ sở y tế	19	52.1	26.7	1.9	0.3
10	Nắm được nguyên tắc cơ bản về điều trị, xử trí được một số bệnh thuộc lĩnh vực chuyên khoa sâu và kỹ thuật hiện mới	16.8	44	31.4	6.4	1.4
11	Nắm được những quy luật cơ bản về cấu tạo, hoạt động và chức năng của cơ thể con người trong trạng thái bình thường và bệnh lý	17.8	50	29.4	2.4	0.3
12	Nắm được những quy luật cơ bản về sự tác động qua lại giữa môi trường sống và sức khỏe con người, các biện pháp duy trì và cải thiện điều kiện sống để bảo vệ và nâng cao sức khỏe	17.7	51.2	29.1	1.6	0.4
13	Phát hiện sớm các bệnh dịch tại địa phương công tác và đề xuất được các biện pháp phòng	17.4	46.3	32.1	3.6	0.6

TT	Chuẩn đầu ra	Rất tốt	Tốt	Trung bình	Yếu	Kém
	chống dịch phù hợp và tham gia tổ chức phòng chống dịch					
14	Sử dụng tối thiểu được một ngoại ngữ để đọc, hiểu và dịch được tài liệu chuyên môn	15.5	37	34.9	11.4	1.2
15	Thực hiện được công tác tư vấn, giáo dục sức khỏe, tổ chức chăm sóc bảo vệ và nâng cao sức khỏe nhân dân	18.3	49.1	29.3	2.8	0.4
16	Thực hiện được một số xét nghiệm của tuyến y tế cơ sở	18.1	49	28.6	3.6	0.7
	Tổng	17.86	46.64	30.41	4.34	0.74

Bảng 17. Mức độ đạt theo chuẩn đầu ra của sinh viên Dược (n=422)

T	Chuẩn đầu ra	Rất tốt	Tốt	Trung bình	Yếu	Kém
1	Có đủ kiến thức khoa học cơ bản và y dược học cơ sở; kiến thức chuyên ngành để có thể vận dụng vào việc: tư vấn, hướng dẫn sử dụng thuốc an toàn, hợp lý; sản xuất thuốc và đảm bảo chất lượng thuốc trong quá trình tồn trữ, lưu thông và phân phối	19.8	57.4	20.1	2.5	0.3
2	Có khả năng thông tin thuốc và tham gia giáo dục cộng đồng về thuốc	18.8	57.4	21.3	2.5	0
3	Có khả năng thực hiện và kiểm tra việc thực hiện các quy định, pháp luật về dược	18.8	56.1	23.1	1.8	0.3
4	Có khả năng vi tính đáp ứng được yêu cầu công việc	21.3	57.9	20.1	0.5	0.3
5	Có khả năng xây dựng và triển khai kế hoạch về công tác dược trong các cơ sở y tế, cộng đồng và trong các chương trình y tế quốc gia	15.3	51.6	29.1	3.8	0.3
6	Có phương pháp luận khoa học trong các công tác chuyên môn và nghiên cứu	14.3	47.1	30.6	7.3	0.8
7	Hướng dẫn, tư vấn chuyên môn dược cho các thành viên y tế khác	14.5	53.4	26.6	5.3	0.3
8	Nắm vững các quy định của pháp luật và chính sách liên quan đến công tác bảo vệ, chăm sóc, nâng cao sức khỏe nhân dân	16.3	57.1	24.6	1.5	0.5
9	Sử dụng tối thiểu được một ngoại ngữ để đọc, hiểu và dịch được tài liệu chuyên môn	15.8	43.6	29.1	10	1.5
10	Thực hành tốt trong các lĩnh vực: sản xuất, kiểm nghiệm, tồn trữ, phân phối và tư vấn sử dụng đối với nguyên liệu làm thuốc, các dạng	17	56.1	23.1	3.3	0.5

T	Chuẩn đầu ra	Rất tốt	Tốt	Trung bình	Yếu	Kém
T	thuốc, mỹ phẩm và thực phẩm chức năng					
	Tổng	17.1 9	53.77	24.77	3.85	0.48

Bảng 18. Mức độ đạt theo chuẩn đầu ra của sinh viên Điều dưỡng đa khoa, Xét nghiệm y học; Điều dưỡng Phụ sản (n=502)

TT	Chuẩn đầu ra	Rất tốt	Tốt	Trung bình	Yếu	Kém
1	Có khả năng thực hiện các mối quan hệ hợp tác với nhóm chăm sóc sức khỏe	29	62	8.5	0.4	0
2	Có khả năng tư vấn, giáo dục sức khỏe cho người bệnh và cộng đồng	26.4	59.6	13.5	0.4	0
3	Có khả năng vi tính đáp ứng được yêu cầu công việc	27.9	62	9.2	0.9	0
4	Có kiến thức vững vàng về khoa học xã hội, khoa học tự nhiên, khoa học chuyên ngành về khối ngành khoa học sức khỏe và ngành điều dưỡng; các nguyên tắc thực hành điều dưỡng, chăm sóc; lấy bệnh nhân và gia đình làm trung tâm	25.1	61.8	12.7	0.4	0
5	Có kiến thức vững vàng về sự tác động qua lại giữa môi trường và sức khỏe con người; các biện pháp duy trì và cải thiện điều kiện sống để bảo vệ, chăm sóc và nâng cao sức khỏe nhân dân	25.5	62.4	11.8	0.2	0
6	Hiểu biết và hành nghề theo pháp luật nhà nước và đạo đức nghề nghiệp	34.7	57.6	7.6	0	0
7	Sử dụng thuốc hợp lý, an toàn	33.2	56.6	9.6	0.7	0
8	Sử dụng tối thiểu được một ngoại ngữ để đọc, hiểu và dịch được tài liệu chuyên môn	15.9	42.8	31.2	8.3	1.7
9	Tham gia công tác quản lý ngành, thực hành nghiên cứu khoa học điều dưỡng, tổ chức và đào tạo cán bộ điều dưỡng, nhân viên y tế	20.5	52	23.1	3.9	0.4
10	Tham gia phòng bệnh và phát hiện sớm các dịch bệnh tại địa phương, đề xuất các biện pháp phối hợp để phòng chống dịch	24.5	58.5	13.3	3.5	0.2
11	Thực hành chăm sóc phù hợp với văn hóa người bệnh. Có đủ khả năng cung cấp và hợp tác trong chăm sóc, thông tin giao tiếp với người bệnh, đồng nghiệp và cộng đồng	27.7	62.2	9.2	0.9	0
12	Thực hành đảm bảo sự an toàn, đảm bảo chất	28.2	63.8	7.6	0.4	0

TT	Chuẩn đầu ra	Rất tốt	Tốt	Trung bình	Yếu	Kém
	lượng chăm sóc toàn diện ổn định và liên tục. Cung cấp môi trường chăm sóc an toàn và quản lý nguy cơ					
13	Thực hiện đầy đủ và thành thạo, lập kế hoạch thực hiện và tổ chức thực hiện quy trình điều dưỡng khi chăm sóc người bệnh	28.6	59.2	10.5	1.5	0.2
14	Tổ chức thực hiện tốt y lệnh của thầy thuốc, đề xuất các biện pháp xử lý hợp lý, phối hợp với thầy thuốc để chăm sóc và nâng cao sức khỏe người bệnh	30.3	58.7	9	1.3	0.7
	Tổng	26.96	58.51	12.63	1.63	0.23

2.2.5 Mức độ đạt kỹ năng mềm

Mức độ đạt tốt và rất tốt các kỹ năng mềm của nhóm III cao hơn nhóm II và nhóm I với hầu hết tất cả các kỹ năng mềm. Có sự chênh lệch giữa nhóm III và nhóm I với các kỹ năng mềm sau:

- Kỹ năng giao tiếp được rèn luyện từ khóa học (bảng 19)
- Kỹ năng tư duy sáng tạo (bảng 20)
- Kỹ năng tự học, tự nghiên cứu (bảng 21)
- Kỹ năng làm việc nhóm (bảng 22)
- Khả năng lắng nghe, tiếp thu, khắc phục nhược điểm cá nhân (bảng 25)
- Kỹ năng giải quyết vấn đề (bảng 26)
- Kỹ năng làm việc độc lập (bảng 27)
- Kỹ năng lập kế hoạch và tổ chức thực hiện kế hoạch (bảng 28)

Các kỹ năng mềm được sinh viên đánh giá đạt tỷ lệ rất tốt và tốt cao >90% là:

- Tính kiên trì, và kỷ luật trong công việc (bảng 34)
- Ý thức học tập cầu tiến (bảng 35)
- Ý thức tập thể, cộng đồng (bảng 36)

Các kỹ năng mềm mà sinh viên đánh giá đạt có tỷ lệ rất tốt và tốt thấp <80% là:

- Kỹ năng sử dụng ngoại ngữ (bảng 23)
- Kỹ năng quản lý, điều hành (bảng 24)
- Kỹ năng thuyết trình (bảng 30)
- Kỹ năng viết báo cáo tham luận (bảng 31)

Bảng 19. Mức độ đạt về Kỹ năng giao tiếp được rèn luyện từ khóa học

TT	Ngành học	Rất tốt	Tốt	Trung bình	Yếu	Kém
1	Y đa khoa, Y học cổ truyền, Y học dự phòng, Răng hàm mặt, Y tế công cộng	39	46.5	12.2	1.7	0.5
2	Dược	35.1	39.8	20.8	3	1.3
3	Điều dưỡng đa khoa, Xét nghiệm y học; Điều dưỡng Phụ sản	54.4	36.9	8.1	0.4	0.2
	Tổng	42.83	41.07	13.70	1.70	0.67

Bảng 20. Mức độ đạt về Kỹ năng tư duy sáng tạo

TT	Ngành học	Rất tốt	Tốt	Trung bình	Yếu	Kém
1	Y đa khoa, Y học cổ truyền, Y học dự phòng, Răng hàm mặt, Y tế công cộng	29.9	50.5	18.5	0.9	0.2
2	Dược	30.6	53.1	15.8	0.3	0.3
3	Điều dưỡng đa khoa, Xét nghiệm y học; Điều dưỡng Phụ sản	34.3	53.9	11.8	0	0
	Tổng	31.60	52.50	15.37	0.40	0.17

Bảng 21. Mức độ đạt về kỹ năng tự học, tự nghiên cứu

TT	Ngành học	Rất đồng ý	Đồng ý	Tạm chấp nhận	Ít đồng ý	Không đồng ý
1	Y đa khoa, Y học cổ truyền, Y học dự phòng, Răng hàm mặt, Y tế công cộng	38	46	13.9	1.9	0.2
2	Dược	38.6	45.9	14	1	0.5
3	Điều dưỡng đa khoa, Xét nghiệm y học; Điều dưỡng Phụ sản	51.1	40	8.1	0.7	0.2
	Tổng	42.57	43.97	12.00	1.20	0.30

Bảng 22. Mức độ đạt về kỹ năng làm việc nhóm

TT	Ngành học	Rất đồng ý	Đồng ý	Tạm chấp nhận	Ít đồng ý	Không đồng ý
1	Y đa khoa, Y học cổ truyền, Y học dự phòng, Răng hàm mặt, Y tế công cộng	36.8	46.7	13.7	2.3	0.6
2	Dược	45.4	38.8	14.5	1.3	0
3	Điều dưỡng đa khoa, Xét nghiệm y học; Điều dưỡng Phụ sản	52	40.2	6.8	0.9	0.2
	Tổng	44.73	41.90	11.67	1.50	0.27

Bảng 23. Mức độ đạt về Kỹ năng sử dụng ngoại ngữ

TT	Ngành học	Rất tốt	Tốt	Trung bình	Yếu	Kém
1	Y đa khoa, Y học cổ truyền, Y học dự phòng, Răng hàm mặt, Y tế công cộng	25.5	44.8	27	2.6	0.2
2	Dược	25.8	48.1	24.8	0.8	0.5
3	Điều dưỡng đa khoa, Xét nghiệm y học; Điều dưỡng Phụ sản	27.1	43.9	27.1	2	0
	Tổng	26.13	45.60	26.30	1.80	0.23

Bảng 24. Mức độ đạt về kỹ năng quản lý, điều hành

TT	Ngành học	Rất tốt	Tốt	Trung bình	Yếu	Kém
1	Y đa khoa, Y học cổ truyền, Y học dự phòng, Răng hàm mặt, Y tế công cộng	25.1	50.2	22.6	1.7	0.4
2	Dược	24.8	50.4	24.1	0.5	0.3
3	Điều dưỡng đa khoa, Xét nghiệm y học; Điều dưỡng Phụ sản	31.9	53.1	14.6	0.4	0
	Tổng	27.27	51.23	20.43	0.87	0.23

Bảng 25: Mức độ đạt về Khả năng lắng nghe, tiếp thu, khắc phục nhược điểm cá nhân

TT	Ngành học	Rất tốt	Tốt	Trung bình	Yếu	Kém
1	Y đa khoa, Y học cổ truyền, Y học dự phòng, Răng hàm mặt, Y tế công cộng	45.4	43.5	10.4	0.5	0.2
2	Dược	49.4	44.9	5.3	0.3	0.3
3	Điều dưỡng đa khoa, Xét nghiệm y học; Điều dưỡng Phụ sản	58.7	37.6	3.7	0	0
	Tổng	51.17	42.00	6.47	0.27	0.17

Bảng 26. Mức độ đạt về Kỹ năng giải quyết vấn đề

TT	Ngành học	Rất tốt	Tốt	Trung bình	Yếu	Kém
1	Y đa khoa, Y học cổ truyền, Y học dự phòng, Răng hàm mặt, Y tế công cộng	33.7	51.6	13.8	0.6	0.3
2	Dược	38.3	50.6	10.8	0.3	0
3	Điều dưỡng đa khoa, Xét nghiệm y học; Điều dưỡng Phụ sản	46.3	48.5	5.2	0	0
	Tổng	39.43	50.23	9.93	0.30	0.10

Bảng 27. Mức độ đạt về Kỹ năng làm việc độc lập

TT	Ngành học	Rất tốt	Tốt	Trung bình	Yếu	Kém
1	Y đa khoa, Y học cổ truyền, Y học dự phòng, Răng hàm mặt, Y tế công cộng	36.2	50.9	12.2	0.5	0.2
2	Dược	48.1	42.4	9.3	0	0.3
3	Điều dưỡng đa khoa, Xét nghiệm y học; Điều dưỡng Phụ sản	52.2	42.8	5	0	0
	Tổng	45.50	45.37	8.83	0.17	0.17

Bảng 28. Mức độ đạt về Kỹ năng lập kế hoạch và tổ chức thực hiện kế hoạch

TT	Ngành học	Rất tốt	Tốt	Trung bình	Yếu	Kém
1	Y đa khoa, Y học cổ truyền, Y học dự phòng, Răng hàm mặt, Y tế công cộng	32.3	50.9	16	0.6	0.2
2	Dược	38.6	50.4	10.8	0	0.3
3	Điều dưỡng đa khoa, Xét nghiệm y học; Điều dưỡng Phụ sản	42.4	50	7.6	0	0
	Tổng	37.77	50.43	11.47	0.20	0.17

Bảng 29. Mức độ đạt về kỹ năng phân tích và tổng hợp vấn đề

TT	Ngành học	Rất tốt	Tốt	Trung bình	Yếu	Kém
1	Y đa khoa, Y học cổ truyền, Y học dự phòng, Răng hàm mặt, Y tế công cộng	32.8	50.6	16.1	0.2	0.3
2	Dược	35.8	53.9	10	0	0.3
3	Điều dưỡng đa khoa, Xét nghiệm y học; Điều dưỡng Phụ sản	37.8	52.8	9.2	0.2	0
	Tổng	35.47	52.43	11.77	0.13	0.20

Bảng 30. Mức độ đạt về Kỹ năng thuyết trình

TT	Ngành học	Rất tốt	Tốt	Trung bình	Yếu	Kém
1	Y đa khoa, Y học cổ truyền, Y học dự phòng, Răng hàm mặt, Y tế công cộng	28.6	49.1	20.5	1.6	0.2
2	Dược	30.8	50.1	17.5	1.3	0.3
3	Điều dưỡng đa khoa, Xét nghiệm y học; Điều dưỡng Phụ sản	31.2	49.3	18.1	1.1	0.2
	Tổng	30.20	49.50	18.70	1.33	0.23

Bảng 31. Mức độ đạt về Kỹ năng viết báo cáo tham luận

TT	Ngành học	Rất tốt	Tốt	Trung bình	Yếu	Kém
1	Y đa khoa, Y học cổ truyền, Y học dự phòng, Răng hàm mặt, Y tế công cộng	26.9	46.9	23.1	2.8	0.3
2	Dược	28.1	50.9	17.8	3	0.3
3	Điều dưỡng đa khoa, Xét nghiệm y học; Điều dưỡng Phụ sản	31.4	50.2	17.5	0.7	0.2
	Tổng	28.80	49.33	19.47	2.17	0.27

Bảng 32. Mức độ đạt về Kỹ năng sử dụng máy vi tính

TT	Ngành học	Rất tốt	Tốt	Trung bình	Yếu	Kém
1	Y đa khoa, Y học cổ truyền, Y học dự phòng, Răng hàm mặt, Y tế công cộng	35	48.9	15.5	0.4	0.2
2	Dược	44.6	46.1	8.3	0.8	0.3
3	Điều dưỡng đa khoa, Xét nghiệm y học; Điều dưỡng Phụ sản	45	46.7	8.1	0.2	0
	Tổng	41.53	47.23	10.63	0.47	0.17

Bảng 33. Mức độ đạt về Kỹ năng tìm kiếm và xử lý thông tin

TT	Ngành học	Rất tốt	Tốt	Trung bình	Yếu	Kém
1	Y đa khoa, Y học cổ truyền, Y học dự phòng, Răng hàm mặt, Y tế công cộng	32.8	50.3	15.8	0.9	0.2
2	Dược	38.8	52.1	8.5	0.5	0
3	Điều dưỡng đa khoa, Xét nghiệm y học; Điều dưỡng Phụ sản	40	50	9.8	0.2	0
	Tổng	37.20	50.80	11.37	0.53	0.07

Bảng 34. Mức độ đạt về Tính kiên trì, và kỷ luật trong công việc

TT	Ngành học	Rất tốt	Tốt	Trung bình	Yếu	Kém
1	Y đa khoa, Y học cổ truyền, Y học dự phòng, Răng hàm mặt, Y tế công cộng	40.5	45.6	12.9	0.8	0.2
2	Dược	48.6	44.1	7	0.3	0
3	Điều dưỡng đa khoa, Xét nghiệm y học; Điều dưỡng Phụ sản	54.6	39.5	5.7	0.2	0
	Tổng	47.90	43.07	8.53	0.43	0.07

Bảng 35. Mức độ đạt về Ý thức học tập cầu tiến

TT	Ngành học	Rất tốt	Tốt	Trung bình	Yếu	Kém
1	Y đa khoa, Y học cổ truyền, Y học dự phòng, Răng hàm mặt, Y tế công cộng	39.9	46.1	13.3	0.5	0.2
2	Dược	51.6	42.4	5.8	0.3	0
3	Điều dưỡng đa khoa, Xét nghiệm y học; Điều dưỡng Phụ sản	57.2	37.1	5.5	0.2	0
	Tổng	49.57	41.87	8.20	0.33	0.07

Bảng 36. Mức độ đạt về Ý thức tập thể, cộng đồng

TT	Ngành học	Rất tốt	Tốt	Trung bình	Yếu	Kém
1	Y đa khoa, Y học cổ truyền, Y học dự phòng, Răng hàm mặt, Y tế công cộng	43.4	44.6	11.5	0.3	0.2
2	Dược	54.6	38.8	6.3	0	0.3
3	Điều dưỡng đa khoa, Xét nghiệm y học; Điều dưỡng Phụ sản	61.1	34.7	3.7	0.2	0.2
	Tổng	53.03	39.37	7.17	0.17	0.23

2.2.6 Ý kiến về cơ sở vật chất, hoạt động phục vụ học tập, tư vấn, hỗ trợ sinh viên

Vấn đề nội trú chưa đáp ứng được nhu cầu của sinh viên (tỷ lệ đồng ý và rất đồng ý về “Trường đáp ứng tốt nhu cầu nội trú của SV” thấp, 59.8%).

>80% sinh viên đồng ý và rất đồng ý về “Môi trường, cảnh quan của Trường tạo thuận lợi cho việc học tập và sinh hoạt của sinh viên”, “Thư viện Trường có đủ tài liệu tham khảo cho hầu hết các môn học”, “Trường có đủ trang thiết bị cần thiết phục vụ học tập và nghiên cứu của sinh viên”, “Các quy định về chế độ, chính sách đối với SV được Trường quan tâm giải quyết kịp thời”, “Cơ vấn học tập (Giáo viên chủ nhiệm) tích cực tư vấn, hỗ trợ SV trong học tập”, “Trường đáp ứng tốt nhu cầu văn hóa, văn nghệ của SV”.

> 21% sinh viên ít đồng ý hoặc không đồng ý về: “Lớp học có sĩ số hợp lý, thuận lợi cho sinh viên trong học tập”, “Phòng học đủ ánh sáng, thoáng mát, đủ rộng, phù hợp với sĩ số lớp học”, “Các hoạt động Đoàn - Hội trong Trường thiết thực, có tác dụng tốt đối với SV”, “Cán bộ, nhân viên văn phòng có thái độ hoà nhã, lắng nghe và giải quyết kịp thời các yêu cầu chính đáng của SV”, “Khoa quan tâm tư vấn và hỗ trợ sinh viên trong quá trình học tập”, “Trường đáp ứng tốt nhu cầu thể dục, thể thao của SV”.

Bảng 37. Ý kiến của sinh viên về Tài liệu và cơ sở vật chất, hoạt động phục vụ học tập, tư vấn, hỗ trợ sinh viên

TT	Nội dung	Rất đồng ý	Đồng ý	Tạm chấp nhận	Ít đồng ý	Không đồng ý
1	Lớp học có sĩ số hợp lý, thuận lợi cho sinh viên trong học tập.	26.5	46.3	18.6	6.7	1.9
2	Môi trường, cảnh quan của Trường tạo thuận lợi cho việc học tập và sinh hoạt của sinh viên.	37.4	49	12.3	0.9	0.4
3	Phòng học đủ ánh sáng, thoáng mát, đủ rộng, phù hợp với sĩ số lớp học.	32.3	46.6	16.3	3.6	1.2
4	Thư viện Trường có đủ tài liệu tham khảo cho hầu hết các môn học.	31.8	52	14.6	1.3	0.4
5	Trường có đủ trang thiết bị cần thiết phục vụ học tập và nghiên cứu của sinh Viên.	31	52.3	14.8	1.5	0.4
6	Các hoạt động Đoàn - Hội trong Trường thiết thực, có tác dụng tốt đối với SV.	27.8	50.6	17	3.7	0.9
7	Các quy định về chế độ, chính sách đối với SV được Trường quan tâm giải quyết kịp thời.	28.1	52.7	17.1	1.5	0.5
8	Cán bộ, nhân viên văn phòng có thái độ hoà nhã, lắng nghe và giải quyết kịp thời các yêu cầu chính đáng của SV.	27.7	50.3	18.9	2.2	0.8
9	Cố vấn học tập (Giáo viên chủ nhiệm) tích cực tư vấn, hỗ trợ SV trong học tập.	31.9	49	15.8	2.7	0.7
10	Khoa quan tâm tư vấn và hỗ trợ sinh viên trong quá trình học tập.	28.8	50.3	18.3	2.1	0.5
11	Trường đáp ứng tốt nhu cầu nội trú của SV.	20.9	38.9	20	14.8	5.4
12	Trường đáp ứng tốt nhu cầu thể dục, thể thao của SV.	28	51.1	18	2.2	0.7
13	Trường đáp ứng tốt nhu cầu văn hóa, văn nghệ của SV.	28.8	54.5	14.9	1.5	0.4
	Tổng	29.31	49.51	16.66	3.44	1.09

2.2.6 Nhận định chung của sinh viên

>90% sinh viên hài lòng và rất hài lòng về chất lượng đào tạo của khóa học, nhóm III có tỷ lệ hài lòng cao nhất (94.3%), nhóm I tỷ lệ hài lòng là 86.7%.

86.07% sinh viên tự tin về triển vọng nghề nghiệp của mình sau khi ra trường. Mức độ tự tin của nhóm III cao hơn hai nhóm còn lại

Có sự tương đồng về khóa học tạo hứng thú cho sinh viên và sinh viên yêu thích ngành học (84.55% và 84.77%). >83% sinh viên đồng ý và rất đồng ý về giới thiệu cho người quen vào học tại Trường

Bảng 38. Hài lòng về chất lượng đào tạo của khóa học

TT	Ngành học	Rất hài lòng	Hài lòng	Tạm chấp nhận	Hài lòng ít	Không hài lòng
1	Y đa khoa, Y học cổ truyền, Y học dự phòng, Răng hàm mặt, Y tế công cộng	39.8	46.9	11.5	1.3	0.5
2	Dược	49.6	41.9	7.5	1	0
3	Điều dưỡng đa khoa, Xét nghiệm y học; Điều dưỡng Phụ sản	58.3	36	5.2	0.4	0
	Tổng	49.23	41.60	8.07	0.90	0.17

Bảng 39. Sinh viên tự tin về triển vọng nghề nghiệp của mình sau khi ra trường

TT	Ngành học	Rất đồng ý	Đồng ý	Tạm chấp nhận	Ít đồng ý	Không đồng ý
1	Y đa khoa, Y học cổ truyền, Y học dự phòng, Răng hàm mặt, Y tế công cộng	35.6	48.7	14.4	1.1	0.2
2	Dược	33.1	49.1	15.8	2	0
3	Điều dưỡng đa khoa, Xét nghiệm y học; Điều dưỡng Phụ sản	52.4	39.3	7.2	1.1	0
	Tổng	40.37	45.70	12.47	1.40	0.07

Bảng 40. Khóa học này tạo được hứng thú cho sinh viên

TT	Ngành học	Rất đồng ý	Đồng ý	Tạm chấp nhận	Ít đồng ý	Không đồng ý
1	Y đa khoa, Y học cổ truyền, Y học dự phòng, Răng hàm mặt, Y tế công cộng	37.5	44.6	14.9	2.3	0.7
2	Dược	35.8	45.6	15	3	0.5
3	Điều dưỡng đa khoa, Xét nghiệm y học; Điều dưỡng Phụ sản	51.5	39.3	7.4	1.7	0
	Tổng	41.60	43.17	12.43	2.33	0.40

Bảng 41. Mức độ yêu thích ngành học của sinh viên.

TT	Ngành học	Rất thích	Thích	Tạm chấp nhận	Không thích lắm	Hoàn toàn không thích
1	Y đa khoa, Y học cổ truyền, Y học dự phòng, Răng hàm mặt, Y tế công cộng	29.32	51.16	16.95	2.17	0.40
2	Dược	26.44	56.28	15.71	0.52	1.05
3	Điều dưỡng đa khoa, Xét nghiệm y học; Điều dưỡng Phụ sản	38.19	52.26	7.54	1.01	0.50
	Tổng	31.32	53.23	13.40	1.23	0.65

Bảng 42. Sinh viên sẽ giới thiệu cho người quen vào học ngành này tại Trường

TT	Ngành học	Rất đồng ý	Đồng ý	Tạm chấp nhận	Ít đồng ý	Không đồng ý
1	Y đa khoa, Y học cổ truyền, Y học dự phòng, Răng hàm mặt, Y tế công cộng	38.4	42.8	13.4	3.9	1.4
2	Dược	40.9	38.8	15	4.8	0.5
3	Điều dưỡng đa khoa, Xét nghiệm y học; Điều dưỡng Phụ sản	57.9	31.9	6.8	3.3	0.2
	Tổng	45.73	37.83	11.73	4.00	0.70

2.3 Các ý kiến góp ý nhằm nâng cao chất lượng đào tạo

Bên cạnh các ý kiến hài lòng về chương trình đào tạo, có 232 sinh viên góp ý, đề xuất cho Nhà trường, với các nội dung:

2.3.1 Nội dung chương trình đào tạo

1. Nâng cao chuẩn Anh văn đầu ra (VD: Toeic 550), vì tạo cho sinh viên quyết tâm học ngoại ngữ hơn
2. Chú trọng, tăng cường giảng dạy về đạo đức ngành: dạy về lịch sử y học, rèn luyện y đức, cách giao tiếp- ứng xử của người học
3. Tăng phần học SPSS
4. Cần cập nhật thông tin mới của một số học phần
5. Cần mở thêm nhiều chứng chỉ như siêu âm, phẫu thuật tạo hình cho SV ngành RHM hay YHDP

6. Cần đào tạo các chứng chỉ dành cho điều dưỡng để cập nhật kiến thức, nâng cao trình độ chuyên môn
7. Chuyển đổi sang tín chỉ cho hệ VL VH
8. Xây dựng chương trình chất lượng cao
9. Mở các lớp đào tạo chứng chỉ: nội kiểm tra chất lượng, an toàn sinh học...
10. Tạo điều kiện cho điều dưỡng học tập thêm ngoại ngữ, vẽ kỹ năng lâm sàng: khám bệnh, sử dụng thuốc, cách đọc các cận lâm sàng thông thường: x.q, ECG góp phần nâng cao năng lực điều dưỡng.
11. Cập nhật kiến thức y học hiện đại vào chương trình
12. Cần dạy phẫu thuật thực hành cho YHCT
13. Cần có định hướng chuyên khoa cho cử nhân điều dưỡng

2.3.2 Cấu trúc chương trình và thời lượng chương trình đào tạo

1. Cần trang bị kiến thức Y cơ sở sớm hơn nữa để đảm bảo thời gian học lâm sàng
2. Cho sinh viên định hướng chuyên ngành sớm hơn
3. CTĐT điều dưỡng vào năm cuối không nên học các môn cơ bản (VD: đường lối CM ĐCS)
4. Giảm thời lượng các môn đại cương.
5. Bố trí thời gian thực hành tại các bệnh viện hợp lý với từng khóa học và ngành học của sinh viên.
6. Tăng thời gian đi thực tế, tăng thời gian thực hành, Tăng thực hành lâm sàng, giảm thời gian lý thuyết
7. Cần xếp lịch đi thực tế xa hơn kỳ thi tốt nghiệp để sinh viên tập trung vào chuyển thực tế.
8. Tăng thời gian học các môn chuyên khoa

2.3.3 Tổ chức đào tạo

1. Cần chú trọng chất lượng đào tạo hơn là số lượng, chú trọng đào tạo lâm sàng, chú trọng chất lượng đầu ra
2. Tổ chức nhiều buổi seminar để nâng cao ngoại ngữ và kỹ năng thuyết trình cho tất cả các bạn sinh viên.
3. Tăng giám sát giảng dạy LS (SV và GV)
4. Tăng tự học
5. Số lượng SV/ lớp cần ít lại
6. Giảm số lượng tuyển sinh đầu vào
7. Nên có lịch giảng lâm sàng cụ thể tại các bệnh viện
8. Nên tập trung đào tạo SV Y diện trong ngân sách
9. Cho SV ĐD đi thực tập thêm nhiều cơ sở y tế ngoài tỉnh

2.3.4 Kiểm tra, đánh giá

1. Cần thời gian ôn tập và thi rộng hơn.
2. Cho sinh viên bắt thăm ngẫu nhiên phần định hướng và phần thi TN
3. Thi tốt nghiệp lâm sàng cần khắt khe hơn
4. Sau mỗi khoa LS nên thi cuối khoa để đánh giá SV

5. Có hình thức đánh giá khác hẳn với quá trình hơn chứ không đánh giá tại một thời điểm
6. Cần có kế hoạch thi TN rõ ràng, chi tiết và thông báo sớm
7. Việc thi TN LS: có rất nhiều thông tin gây nhiễu được cung cấp, gây hoang mang trong tập thể SV Y6, cụ thể: thông tin được cung cấp bởi Đoàn-Hội SV trường rất khác so với thông tin chính thống của Trường và khoa đưa ra

2.3.5 Giáo trình

1. Giáo trình cần hoàn thiện hơn về nội dung lẫn hình thức, còn nhiều lỗi chính tả
2. Giá các giáo trình còn khá đắt, mặc dù đã phản ánh
3. Không nên photo kém chất lượng giáo trình
4. Giáo trình cần cập nhật mới

2.3.6 Giảng viên

1. Cần bồi dưỡng năng lực giảng viên, nhất là GV trẻ về: phương pháp sư phạm, cách kiểm tra đánh giá năng lực sinh viên
2. Nhiều giảng viên chưa đảm bảo được giờ giấc lên lớp
3. Cố vấn học tập (Giáo viên chủ nhiệm) cần tích cực tư vấn, hỗ trợ SV trong học tập
4. Thiếu nhiều cán bộ giảng lâm sàng
5. Giảng viên kiêm nhiệm nhiều nhiệm vụ nên việc hướng dẫn lâm sàng cho sinh viên chưa được đồng bộ (có nhóm được học có nhóm không)
6. Cần GV là điều dưỡng hướng dẫn cho SV điều dưỡng .

2.3.7 Thông tin sinh viên

1. Cần xây dựng, rà soát và hoàn thiện các kế hoạch, đề án, thông báo, quy định... về đào tạo trước khi đưa vào áp dụng; thông tin rõ ràng, kịp thời và chính xác cho SV. Mọi thay đổi cần thông báo sớm đầu năm học để sv có kế hoạch học sớm và phù hợp
2. Kế hoạch thực tập các môn cần thông báo ngay đầu học kỳ
3. Kế hoạch thi tốt nghiệp cần chi tiết, rõ ràng và triển khai sớm
4. Cần có kênh giải đáp thắc mắc về chuyên môn
5. Cần có kênh tiếp thu ý kiến của sinh viên kịp thời, bảo mật thông tin người kiến nghị, tránh tư thù, tránh để cảm xúc chi phối khi nhận ý kiến để biểu hiện thành thái độ như tức giận...
6. Các khoa nên có trang web riêng, hoặc trang Facebook chính thống, thông tin cập nhật để cung cấp kịp thời các thông báo của Khoa đến SV về chương trình, nội dung học tập và các nội dung khác, hoặc gửi thông báo qua e-mail SV
7. Cần có nhiều buổi đối thoại mặt sinh viên, nhiều hình thức để lắng nghe ý kiến, nguyện vọng của SV
8. Trường cần có giải quyết thỏa đáng những mong muốn hợp lí của SV, vì qua 6 năm học, trong các buổi gặp mặt, ý kiến của SV luôn được lắng nghe nhưng gần như không được đáp ứng
9. SV gửi ý kiến đóng góp mà không được phản hồi lại nên sẽ không muốn đóng góp ý kiến tiếp tục

2.3.8 Cơ sở vật chất

1. Một số phòng học còn nóng. Giảm số lượng SV/ phòng học. Cần sửa chữa kịp thời các quạt gió bị hư
2. Cần xây dựng thêm các khu tự học. Các khu tự học trên các tầng lầu nên có mái che. Mở cửa khu tự học vào ban đêm
3. Các môn cơ sở cần cho mượn phòng thực tập để tự học
4. Cần xây dựng ký túc xá, đảm bảo điều kiện cho SV ở nội trú
5. Thư viện: tăng giờ mở cửa thư viện, tài liệu chưa đáp ứng đủ nhu cầu làm luận văn của sinh viên, cần hoàn thiện hệ thống thư viện điện tử
6. Sửa sang trang thiết bị, phòng sinh viên, giảng đường tại các bệnh viện thực hành
7. Lắp máy lạnh ở phòng học. Trang bị máy lạnh các phòng thực tập xét nghiệm
8. Xây dựng nhà thi đấu đa năng, khu thể dục
9. Nhà xe của Trường quá bụi phải được vệ sinh thường xuyên 2 lần/tháng
10. Tạo thêm cảnh quan cho Trường

2.3.9 Hoạt động hỗ trợ sinh viên

1. Cần tạo nhiều cơ hội học tập nước ngoài
2. Tạo nhiều cơ hội nghiên cứu khoa học cho SV
3. Tổ chức các hoạt động hướng nghiệp thường xuyên hơn, để sinh viên biết được định hướng nghề nghiệp trong tương lai sớm để phấn đấu học tập.
4. Giảm hoạt động của đoàn khoa/ Trường không hữu ích. Tổ chức nhiều hoạt động ngoại khóa cho sinh viên hơn nhằm nâng cao kỹ năng mềm, trao đổi chuyên môn. Tổ chức giao lưu giữa các trường Y Dược. Hoạt động Đoàn - Hội nên bám sát nhu cầu thực tế của sinh viên thay vì theo phong trào. Phát huy tính sáng tạo của sinh viên, nên tập trung chú trọng chất lượng hoạt động thay cho số lượng hoạt động. Cần có cơ chế khen thưởng, kỷ luật rõ ràng đối với các Đoàn viên, Hội viên
5. Tổ chức các buổi rèn luyện kỹ năng mềm. Rèn luyện thái độ sống tích cực cho SV, thái độ khiêm tốn hòa đồng tôn kính, nhận sai và sửa sai
6. Đẩy mạnh hoạt động của CLB Anh văn. Tổ chức các CLB chuyên ngành, học thuật (như CLB Nhi khoa, Sản Khoa,...) để sinh viên Y học tập chia sẻ kinh nghiệm, các câu lạc bộ Kỹ Năng để sinh viên trau dồi các kỹ năng mềm.
7. Cần có những biện pháp tôn vinh hình ảnh của Trường qua xây dựng các giải pháp để rèn luyện, hình thành tác phong nghề nghiệp của GV và SV Trường, để làm điểm nhấn khác biệt so với các trường Y tư nhân
8. Sinh viên sử dụng bảo hiểm y tế của Trường cũng cần được đối xử tốt như những người khác
9. Hỗ trợ tiền gửi xe cho sinh viên
10. Tạo điều kiện giúp đỡ các sinh viên có học lực kém
11. Hạn chế những người không phải sinh viên của Trường vào chơi bóng chày vào các buổi chiều để ưu tiên sân chơi cho SV và đảm bảo an ninh cho Trường.

2.3.10 Ý kiến riêng một số đơn vị/cá nhân

1. Lịch trực ở BM Nội cần hợp lý hơn, số lượng SV trực/ca trực cần ít hơn

2. Bộ môn Nội cần giảng dạy đầy đủ hơn, không nên thiếu bài giảng với sinh viên nhưng khi kiểm tra lại yêu cầu sinh viên phải biết tự tìm hiểu
3. Lâm sàng Nội và Ngoại chưa có mục tiêu rõ ràng
4. Giảng viên khoa ngoại thân kinh BV ĐKTP sắp xếp quản lí sinh viên chưa hợp lí
5. Bộ môn Nhi cần tạo điều kiện cho sinh viên trả nợ môn cho kịp chương trình
6. Vi sinh: Một vài kiến thức chuyên môn vi sinh chưa được cập nhật kịp thời. Ví dụ: quy trình lấy mẫu, nhuộm bệnh phẩm đàm tìm AFB ; kỹ thuật làm kháng sinh đồ MIC ; thông tin về các vi khuẩn kháng thuốc...
7. Nên chia chuyên ngành Dược lâm sàng và Kiểm nghiệm dược liệu bào chế sớm hơn, lịch thực tập phù hợp, không dồn ở cuối kỳ.
8. Cho sinh viên Dược đi thực tế tại bệnh viện, nhà thuốc, công ty dược nhiều hơn, liên kết thêm với các doanh nghiệp để tạo cơ hội thực hành
9. Môn sức khỏe môi trường: việc đánh giá cuối kỳ thực tập: không chỉ chú trọng đến việc chấm điểm quyền báo cáo lý thuyết mà phải đánh giá quá trình thực tập tại trung tâm sức khỏe nghề nghiệp thông qua những việc mà sv đã làm được tại các cơ sở thực hành
10. Chưa có sự thống nhất giữa các giảng viên RHM trong quá trình điều trị một số case lâm sàng gây hoang mang cho sinh viên
11. Sinh viên điều dưỡng không áp dụng được lý thuyết khám bệnh trên lâm sàng, không có giáo viên hướng dẫn lâm sàng, không có mục tiêu học lâm sàng
12. Cho SV ĐD đi thực tập thêm nhiều cơ sở y tế ngoài tỉnh
13. Có hai môn học có nội dung gần giống nhau và nên giảm thời lượng: dân số, sức khỏe sinh sản
14. Tổ chức các buổi truyền thông giáo dục sức khỏe cho sinh viên YHDP học tập
15. Thực tập môn YHDP 1 2 3: cần nêu rõ mục tiêu cần đạt được sau quá trình thực tập (hiện: mục tiêu chung chung)

2.4 Tóm tắt

Bảng 43: Ranking các tiêu chí đánh giá về khóa đào tạo

TT	Nội dung	Rất đồng ý	Đồng ý	Tạm chấp nhận	Ít đồng ý	Không đồng ý	% Đồng ý cao	% Đồng Ý Thấp
1	Đại đa số giảng viên giảng dạy khoá học có kiến thức chuyên môn cao	36.20	50.62	11.80	1.09	0.30	86.81	1.38
2	Thư viện Trường có đủ tài liệu tham khảo cho hầu hết các môn học	37.58	48.84	12.30	0.89	0.40	86.42	1.28
3	Chương trình đào tạo (ngành đào tạo) có mục tiêu rõ ràng	36.74	48.94	12.49	1.38	0.44	85.68	1.83
4	Anh/chị hài lòng về chất lượng đào tạo của khóa học	33.14	51.90	13.58	0.94	0.44	85.04	1.38
5	Nội dung chương trình đào tạo phản ánh các mục tiêu của chương trình	31.46	52.99	13.78	1.28	0.49	84.44	1.78

TT	Nội dung	Rất đồng ý	Đồng ý	Tạm chấp nhận	Ít đồng ý	Không đồng ý	% Đồng ý cao	% Đồng Ý Thấp
6	Trường có đủ trang thiết bị cần thiết phục vụ học tập và nghiên cứu của sinh Viên	31.60	52.15	14.47	1.38	0.40	83.75	1.78
7	Khóa học giúp anh/chị nâng cao kỹ năng tư duy sáng tạo, tự học, tự nghiên cứu	30.07	53.48	15.46	0.64	0.35	83.56	0.99
8	Môi trường, cảnh quan của Trường tạo thuận lợi cho việc học tập và sinh hoạt của sinh viên	30.96	52.49	14.62	1.48	0.44	83.46	1.93
9	Các hoạt động Đoàn - Hội trong Trường thiết thực, có tác dụng tốt đối với SV	28.49	54.77	14.86	1.48	0.40	83.26	1.88
10	Kết quả kiểm tra đánh giá được công bố kịp thời cho sinh viên	30.52	52.64	14.67	1.58	0.59	83.16	2.17
11	Mức độ yêu thích ngành học của anh/chị ở thời điểm này	30.52	52.35	14.96	1.63	0.54	82.86	2.17
12	Anh/chị có đủ thông tin về chương trình đào tạo trong quá trình học tập	29.73	52.99	15.85	0.89	0.54	82.72	1.43
13	Chương trình đào tạo có khối lượng môn học chuyên ngành hợp lý	31.70	49.93	15.51	2.37	0.49	81.63	2.86
14	Khóa học giúp anh/chị nâng cao kỹ năng giao tiếp	28.35	53.28	16.69	1.28	0.40	81.63	1.68
15	Chương trình đào tạo bao gồm những môn học cung cấp kỹ năng cơ bản và kỹ năng nghề nghiệp	29.68	51.85	16.20	1.83	0.44	81.53	2.27
16	Kế hoạch học tập được thông báo kịp thời cho sinh viên	28.59	52.79	16.69	1.33	0.59	81.38	1.93
17	Khóa học cung cấp cho anh/chị những kiến thức cần thiết	29.33	51.85	17.04	1.38	0.40	81.19	1.78
18	Các môn học trong chương trình đào tạo có sự gắn kết với nhau	30.07	51.06	16.49	2.07	0.30	81.14	2.37
19	Hoạt động giảng dạy của khóa học gắn với định hướng nghề nghiệp	30.27	50.81	16.64	1.73	0.54	81.09	2.27
20	Các quy định về chế độ, chính sách đối với SV được Trường quan tâm giải quyết kịp thời	31.75	48.99	15.95	2.67	0.64	80.74	3.31
21	Khoa quan tâm tư vấn và hỗ trợ sinh viên trong quá trình học tập	27.95	52.64	17.33	1.53	0.54	80.59	2.07
22	Khóa học giúp anh/chị nâng cao trình độ, khả năng sử dụng ngoại ngữ	28.20	51.95	17.23	1.98	0.64	80.15	2.62

TT	Nội dung	Rất đồng ý	Đồng ý	Tạm chấp nhận	Ít đồng ý	Không đồng ý	% Đồng ý cao	% Đồng Ý Thấp
23	Khóa học giúp anh/chị phát triển phẩm chất người học cần có (đạo đức, nhân cách, lối sống, tinh thần trách nhiệm, ý thức kỷ luật,...)	26.62	52.69	17.98	2.02	0.69	79.31	2.72
24	Anh/chị tự tin mình đã hiểu biết về chương trình đào tạo	25.19	54.07	18.27	1.98	0.49	79.26	2.47
25	Trường đáp ứng tốt nhu cầu nội trú của SV	27.70	51.51	17.98	2.12	0.69	79.21	2.81
26	Khóa học giúp anh/chị nâng cao kỹ năng làm việc nhóm	28.00	51.16	17.28	2.72	0.84	79.16	3.56
27	Phòng học đủ ánh sáng, thoáng mát, đủ rộng, phù hợp với sĩ số lớp học	32.25	46.77	16.25	3.51	1.23	79.01	4.74
28	Trường đáp ứng tốt nhu cầu văn hóa, văn nghệ của SV	28.54	50.32	18.47	2.12	0.54	78.86	2.67
29	Đại đa số giảng viên giảng dạy khoá học có phương pháp giảng dạy phù hợp	28.59	49.88	17.98	2.96	0.59	78.47	3.56
30	Cố vấn học tập (Giáo viên chủ nhiệm) tích cực tư vấn, hỗ trợ SV trong học tập	27.46	50.96	17.09	3.65	0.84	78.42	4.49
31	Khóa học giúp anh/chị có được những kỹ năng nghề nghiệp	27.16	51.01	19.06	2.22	0.54	78.17	2.77
32	Cán bộ, nhân viên văn phòng có thái độ hoà nhã, lắng nghe và giải quyết kịp thời các yêu cầu chính đáng của SV	27.51	50.42	19.06	2.22	0.79	77.93	3.01
33	Đại đa số giảng viên giảng dạy khoá học lắng nghe quan điểm của SV và sẵn sàng chia sẻ quan điểm của mình	28.99	48.69	19.16	2.77	0.40	77.68	3.16
34	Sinh viên được thông báo đầy đủ về tiêu chí đánh giá kết quả học tập	26.81	50.67	18.86	2.86	0.79	77.48	3.65
35	Chương trình đào tạo có sự phân bổ tỷ lệ lý thuyết và thực hành hợp lý	28.59	48.79	18.67	3.46	0.49	77.38	3.95
36	Đại đa số giảng viên giảng dạy khoá học giúp sinh viên biết liên hệ giữa các vấn đề trong lý thuyết với thực tiễn	27.95	48.40	19.75	3.11	0.79	76.35	3.90
37	Kế hoạch học tập tạo thuận lợi cho sinh viên: lựa chọn môn học, lịch học, tự học, tự nghiên cứu và sinh hoạt	29.38	46.81	18.12	4.69	0.99	76.20	5.68

TT	Nội dung	Rất đồng ý	Đồng ý	Tạm chấp nhận	Ít đồng ý	Không đồng ý	% Đồng ý cao	% Đồng Ý Thấp
38	Các hình thức kiểm tra đánh giá phù hợp với mục tiêu chương trình	26.27	48.84	19.46	4.35	1.09	75.11	5.43
39	Lớp học có sĩ số hợp lý, thuận lợi cho sinh viên trong học tập	26.37	47.16	19.75	5.43	1.28	73.53	6.72
40	Kết quả đánh giá phản ánh đúng năng lực của sinh viên	26.32	46.57	18.57	6.67	1.88	72.89	8.54
41	Chương trình đào tạo có khối lượng môn học đại cương (cơ bản) hợp lý	27.16	45.68	20.35	5.88	0.94	72.84	6.81
42	Anh/chị tự tin về triển vọng nghề nghiệp của mình sau khi ra trường	23.95	44.10	25.28	5.43	1.23	68.05	6.67
43	Trường đáp ứng tốt nhu cầu thể dục, thể thao của SV	20.69	39.01	20.20	14.62	5.48	59.70	20.10

Căn cứ trên tỷ lệ ý kiến (mục 2.2), ranking các ý kiến (bảng 43) và các ý kiến góp ý, các nội dung cần tiếp tục xây dựng kế hoạch phát huy và xem xét xây dựng giải pháp cải tiến; là:

Bốn nội dung cần tiếp tục phát huy:

1. Đa đa số giảng viên giảng dạy khoá học có kiến thức chuyên môn cao
2. Thư viện Trường có đủ tài liệu tham khảo cho hầu hết các môn học
3. Chương trình đào tạo (ngành đào tạo) có mục tiêu rõ ràng
4. Hải lòng về chất lượng đào tạo của khóa học

Bảy nội dung cần xem xét để cải tiến:

1. Các hình thức kiểm tra đánh giá phù hợp với mục tiêu chương trình
2. Kế hoạch học tập tạo thuận lợi cho sinh viên: lựa chọn môn học, lịch học, tự học, tự nghiên cứu và sinh hoạt
3. Tự tin về triển vọng nghề nghiệp của mình sau khi ra trường
4. Lớp học có sĩ số hợp lý, thuận lợi cho sinh viên trong học tập
5. Chương trình đào tạo có khối lượng môn học đại cương (cơ bản) hợp lý
6. Kết quả đánh giá phản ánh đúng năng lực của sinh viên
7. Trường đáp ứng tốt nhu cầu thể dục, thể thao của SV

3. Chỉ đạo sử dụng kết quả khảo sát

3.1 Rút kinh nghiệm về quy trình khảo sát

- **Bộ công cụ khảo sát:** quá dài, nhiều câu hỏi bị trùng, thừa. Cần thiết kế lại bộ câu hỏi

- Nhập liệu:

+ Do chưa lập ma trận số lượng sinh viên tham gia thực hiện khảo sát nên tạo sự khó khăn trong quá trình thống kê sinh viên thực hiện khảo sát hoạt động gì. Đề xuất lập ma trận số lượng để quản lý số lượng nhập vào và số lượng thực tế khảo sát, quản lý số lượng sinh viên từng lớp nhập vào hệ thống bằng phần mềm Excel

+ 1 phiếu khảo sát cùng 1 nội dung cho nhiều đối tượng, khi nhập vào hệ thống sẽ nhập một lượt tất cả sinh viên: thuận lợi sẽ tổng hợp nhanh tổng số sinh viên tham gia khảo sát nhưng gây khó khăn cho khâu xuất kết quả không xuất được theo từng lớp, từng ngành chỉ có thể xuất kết quả cho 1 phiếu. Đề xuất tạo từng phiếu cho từng đối tượng hoặc nhóm đối tượng trước khi nhập vào hệ thống

- Quá trình thực hiện đánh giá (khảo sát) của sinh viên:

+ Số lượng: sinh viên năm cuối trong đó có cả liên thông và VLVH nên số lượng tham gia không đủ tạo khó khăn cho thống kê kết quả vì đối tượng này ít truy cập vào phần mềm quản lý đào tạo và đa số sinh viên không tự lên hệ thống xem điểm mà đại diện lớp trưởng thực hiện khảo sát xong được xem điểm của lớp trưởng và vào mục xem điểm nhóm học phần sẽ xem điểm của cả lớp. Đề xuất chỉnh sửa phần mềm ẩn mục xem điểm nhóm học phần.

+ Sinh viên phản ánh (thông qua gọi điện thoại) không thực hiện khảo sát được do chọn sai học kỳ trên hệ thống vì chưa có văn bản hướng dẫn thực hiện khảo sát, đánh giá. Đề xuất ra thông báo hướng dẫn sinh viên trước khi thực hiện khảo sát

- Xuất kết quả của phần mềm:

+ Phiếu (biểu mẫu) khảo sát sinh viên về khóa học (chuẩn đầu ra) chưa tách riêng từng đối tượng nên khi xuất kết quả rất khó khăn để tổng hợp và phân tích. Đề xuất sẽ tách riêng từng phiếu cho từng đối tượng (lớp, ngành)

+ Phiếu khảo sát về chương trình có tách riêng từng nhóm nhưng còn nhầm lẫn lớp YTCC lại nằm trong 2 nhóm nên kết quả chưa chính xác (do trong phiếu khảo sát chưa chỉnh sửa). Đề xuất chỉnh sửa, góp ý phiếu khảo sát

+ Phần xuất kết quả của phần mềm chưa đạt yêu cầu, kết quả tổng và kết quả chi tiết lệch 75 mẫu. Bảng kết quả tổng chưa xuất theo Mã SV, lớp, ngành. Đề xuất chỉnh sửa phần xuất kết quả theo lớp và có thể phần trăm (%) kết quả theo dạng cột của từng tiêu chí.

Phụ lục 1: Danh sách đối tượng khảo sát

TT	ĐỊA CHỈ/MÃ LỚP	TÊN LỚP	NGÀNH	SỐ LƯỢNG
1	125301A	Y-B K38	Y đa khoa	87
2	125301B	Y-B K38	Y đa khoa	87
3	125301C	Y-C K38	Y đa khoa	86
4	125301D	Y-D K38	Y đa khoa	86
5	125301E	Y-E K38	Y đa khoa	82
6	125301F	Y-F K38	Y đa khoa	82
7	125301G	Y-G K38	Y đa khoa	81
8	125301H	Y-H K38	Y đa khoa	78
9	125308A	YHCT K38	Y học cổ truyền	41
10	125302	RHM K38	Răng hàm mặt	1
11	125302A	RHM K38	Răng hàm mặt	80
12	125304A	YHDP K38	Y học dự phòng	73
13	145306A	YTCC K40	Y tế công cộng	39
14	143301A	Y-A K28	Y đa khoa (4 năm)	121
15	143301B	Y-B K28	Y đa khoa (4 năm)	116
16	143301C	Y-C K28	Y đa khoa (4 năm)	111
17	143301D	Y-D K28	Y đa khoa (4 năm)	90
18	143308A	YHCT K28	Y học cổ truyền	90
19	135303A	Dược A K39	Dược học	115
20	135303B	Dược B K39	Dược học	115
21	143303A	Dược A K28	Dược học	95
22	143303B	Dược A K28	Dược học	97
23	145305A	ĐD K40	Điều dưỡng đa khoa	89
24	145307A	XN K40	Xét nghiệm y học	93
25	145306A	YTCC K40	Y tế công cộng	39
26	143305A	ĐD-A K28	Điều dưỡng đa khoa	78
27	143305B	ĐD-B K28	Điều dưỡng đa khoa	70
28	143305C	ĐD-CM K28	Điều dưỡng đa khoa	13
29	143305D	ĐD-AG K28	Điều dưỡng đa khoa	46
30	143305P	PS K28	Điều dưỡng phụ sản	33
31	143305P2	PS-CM K28	Điều dưỡng phụ sản	33
32	143307X	XN K28	Xét nghiệm y học	47

Phụ lục 2- Bộ câu hỏi khảo sát



**BỘ Y TẾ
TRƯỜNG ĐẠI HỌC Y DƯỢC CẦN THƠ**

**PHIẾU KHẢO SÁT PHIẾU KHẢO SÁT SINH VIÊN NĂM CUỐI VỀ
KHÓA HỌC**

Nhằm kịp thời cải tiến nâng cao chất lượng phục vụ đào tạo, anh /chị vui lòng cho ý kiến đánh giá về các vấn đề sau đây. Thông tin phản hồi sẽ được bảo mật và chỉ được Trường sử dụng để đảm bảo và nâng cao chất lượng đào tạo.

I. Thông tin chung:

Họ và tên:.....Mã số SV:.....Nam/Nữ:.....
Lớp.....Ngành.....Khoa.....
Số điện thoại:.....Email:.....

II. Nội dung đánh giá

Từ câu 1 đến câu 10, Anh/Chị chọn 1 trong 5 mức độ với quy ước như sau:

0. Không hài lòng 1. Hài lòng ít 2. Tạm chấp nhận 3. Hài lòng 4. Rất hài lòng

Hoặc

0. Không đồng ý 1. Đồng ý một phần nhỏ 2. Tạm chấp nhận 3. đồng ý 4. Rất đồng ý

Đánh giá mục tiêu và nội dung chương trình		Mức độ hài lòng/ đồng ý				
		0	1	2	3	4
1	Chương trình đào tạo (ngành đào tạo) có mục tiêu rõ ràng					
2	Nội dung chương trình đào tạo phản ánh các mục tiêu của chương trình					
3	Chương trình đào tạo có khối lượng môn học đại cương (cơ bản) hợp lý					
4	Chương trình đào tạo có khối lượng môn học chuyên ngành hợp lý					
5	Các môn học trong chương trình đào tạo có sự gắn kết với nhau					
6	Chương trình đào tạo có sự phân bổ tỷ lệ lý thuyết và thực hành hợp lý					
7	Chương trình đào tạo bao gồm những môn học cung cấp kỹ năng cơ bản và kỹ năng nghề nghiệp					

Đánh giá hoạt động giảng dạy trong khóa học		Mức độ hài lòng/đồng ý				
		0	1	2	3	4
8	Đại đa số giảng viên giảng dạy khoá học có kiến thức chuyên môn cao					
9	Đại đa số giảng viên giảng dạy khoá học có phương pháp giảng dạy phù hợp					
10	Đại đa số giảng viên giảng dạy khoá học lắng nghe quan điểm của SV và sẵn sàng chia sẻ quan điểm của mình					
11	Đại đa số giảng viên giảng dạy khoá học giúp sinh viên biết liên hệ giữa các vấn đề trong lý thuyết với thực tiễn					
12	Hoạt động giảng dạy của khóa học gắn với định hướng nghề nghiệp					

Đánh giá tổ chức đào tạo và đánh giá sinh viên		Mức độ hài lòng/đồng ý				
		0	1	2	3	4
13	Kế hoạch học tập được thông báo kịp thời cho sinh viên					

14	Kế hoạch học tập tạo thuận lợi cho sinh viên: lựa chọn môn học, lịch học, tự học, tự nghiên cứu và sinh hoạt					
15	Lớp học có sĩ số hợp lý, thuận lợi cho sinh viên trong học tập					
16	Sinh viên được thông báo đầy đủ về tiêu chí đánh giá kết quả học tập					
17	Các hình thức kiểm tra đánh giá phù hợp với mục tiêu chương trình					
18	Kết quả đánh giá phản ánh đúng năng lực của sinh viên					
19	Kết quả kiểm tra đánh giá được công bố kịp thời cho sinh viên					

Đánh giá tài liệu và cơ sở vật chất phục vụ học tập		Mức độ hài lòng/đồng ý				
		0	1	2	3	4
20	Thư viện Trường có đủ tài liệu tham khảo cho hầu hết các môn học					
21	Phòng học đủ ánh sáng, thoáng mát, đủ rộng, phù hợp với sĩ số lớp học					
22	Trường có đủ trang thiết bị cần thiết phục vụ học tập và nghiên cứu của sinh Viên					
23	Môi trường, cảnh quan của Trường tạo thuận lợi cho việc học tập và sinh hoạt của sinh viên					

Đánh giá tư vấn, hỗ trợ sinh viên		Mức độ hài lòng/đồng ý				
		0	1	2	3	4
24	Cố vấn học tập (Giáo viên chủ nhiệm) tích cực tư vấn, hỗ trợ SV trong học tập					
25	Khoa quan tâm tư vấn và hỗ trợ sinh viên trong quá trình học tập					
26	Cán bộ, nhân viên văn phòng có thái độ hoà nhã, lắng nghe và giải quyết kịp thời các yêu cầu chính đáng của SV					
27	Các quy định về chế độ, chính sách đối với SV được Trường quan tâm giải quyết kịp thời					
28	Trường đáp ứng tốt nhu cầu văn hóa, văn nghệ của SV					
29	Trường đáp ứng tốt nhu cầu thể dục, thể thao của SV					
30	Trường đáp ứng tốt nhu cầu nội trú của SV					
31	Các hoạt động Đoàn - Hội trong Trường thiết thực, có tác dụng tốt đối với SV					

Đánh giá cảm nhận về kết quả đạt được từ khóa học		Mức độ hài lòng/đồng ý				
		0	1	2	3	4
32	Khóa học cung cấp cho anh/chị những kiến thức cần thiết					
33	Khóa học giúp anh/chị có được những kỹ năng nghề nghiệp					
34	Khóa học giúp anh/chị nâng cao kỹ năng tư duy sáng tạo, tự học, tự nghiên cứu					
35	Khóa học giúp anh/chị nâng cao kỹ năng giao tiếp					
36	Khóa học giúp anh/chị nâng cao kỹ năng làm việc nhóm					
37	Khóa học giúp anh/chị nâng cao trình độ, khả năng sử dụng ngoại ngữ					
38	Khóa học giúp anh/chị phát triển phẩm chất người học cần có (đạo đức, nhân cách, lối sống, tinh thần trách nhiệm, ý thức kỷ luật,...)					
39	Anh/chị tự tin về triển vọng nghề nghiệp của mình sau khi ra trường					
40	Anh/chị hài lòng về chất lượng đào tạo của khóa học					
41	Anh/chị có đủ thông tin về chương trình đào tạo trong quá trình học tập					
42	Anh/chị tự tin mình đã hiểu biết về chương trình đào tạo					
43	Mức độ yêu thích ngành học của anh/chị ở thời điểm này					

44. Xin anh/chị nêu ý kiến đóng góp cho sự phát triển của Khoa:

45. Xin anh/chị nêu ý kiến đóng góp cho sự phát triển của Trường:

Nhà trường cảm ơn các anh/chị đã đóng góp ý kiến và chúc anh/chị thành công trong học tập!



BỘ Y TẾ
TRƯỜNG ĐẠI HỌC Y DƯỢC CẦN THƠ

**PHIẾU KHẢO SÁT PHIẾU KHẢO SÁT SINH VIÊN NĂM CUỐI VỀ
KHÓA HỌC**

Nhằm kịp thời cải tiến nâng cao chất lượng phục vụ đào tạo, anh /chị vui lòng cho ý kiến đánh giá về các vấn đề sau đây. Thông tin phản hồi sẽ được bảo mật và chỉ được Trường sử dụng để đảm bảo và nâng cao chất lượng đào tạo.

I. Thông tin chung:

Họ và tên:.....Mã số SV:.....Nam/Nữ:.....
Lớp.....Ngành.....Khoa.....
Số điện thoại:.....Email:.....

II. Nội dung đánh giá

Từ câu 1 đến câu 10, Anh/Chị chọn 1 trong 5 mức độ với quy ước như sau:

0. Không hài lòng 1. Hài lòng ít 2. Tạm chấp nhận 3. Hài lòng 4. Rất hài lòng

Hoặc

0. Không đồng ý 1. Ít Đồng ý 2. Tạm chấp nhận 3. đồng ý 4. Rất đồng ý

Đánh giá chung về khóa đào tạo		Mức độ hài lòng/ đồng ý				
		0	1	2	3	4
1	Khóa học cung cấp cho anh/chị những kiến thức cần thiết					
2	Người học được khuyến khích tham gia nghiên cứu khoa học					
3	Khóa học giúp anh/chị có được những kỹ năng nghề nghiệp					
4	Khóa học giúp anh/chị nâng cao kỹ năng tư duy sáng tạo, tự học, tự nghiên cứu					
5	Khóa học giúp anh/chị nâng cao kỹ năng kỹ năng giao tiếp					
6	Khóa học giúp anh/chị nâng cao kỹ năng kỹ năng làm việc nhóm					
7	Khóa học giúp anh/chị nâng cao kỹ năng tự học, tự nghiên cứu					
8	Khóa học giúp anh/chị nâng cao trình độ, khả năng sử dụng ngoại ngữ					
9	Khóa học giúp anh/chị phát triển phẩm chất người học cần có (đạo đức, nhân cách, lối sống, tinh thần trách nhiệm, ý thức kỷ luật,...)					
10	Anh/chị tự tin về triển vọng nghề nghiệp của mình sau khi ra trường					
11	Anh/chị hài lòng về chất lượng đào tạo của khóa học					
12	Nhìn chung khóa học này tạo được hứng thú cho tôi					
13	Tôi sẽ giới thiệu cho bạn mình vào học ngành này tại Trường					

Đánh giá kiến thức đạt được sau khi kết thúc chương trình học		Mức độ hài lòng/đồng ý				
		0	1	2	3	4
14	Bạn đã đạt được ở mức độ nào về kiến thức nền tảng sau khi kết thúc chương trình học					
15	Bạn đã đạt được ở mức độ nào về kiến thức chuyên môn sau khi kết thúc chương trình học					
16	Bạn đã đạt được ở mức độ nào về kiến thức về quản lý, điều hành sau khi kết thúc					

	chương trình học					
17	Bạn đã đạt được ở mức độ nào về Kiến thức chung về văn hóa, xã hội sau khi kết thúc chương trình học					
18	Bạn đã đạt được ở mức độ nào về hiểu biết thực tế và các vấn đề đương đại của ngành nghề sau khi kết thúc chương trình học					

Đánh giá kỹ năng và phẩm chất cá nhân		Mức độ hài lòng/đồng ý				
		0	1	2	3	4
19	Bạn đã đạt được ở mức độ nào về kỹ năng phân tích và tổng hợp vấn đề sau khi kết thúc chương trình học					
20	Bạn đã đạt được ở mức độ nào về Kỹ năng hợp tác, làm việc nhóm sau khi kết thúc chương trình học					
21	Bạn đã đạt được ở mức độ nào về Kỹ năng viết báo cáo tham luận sau khi kết thúc chương trình học					
22	Bạn đã đạt được ở mức độ nào về Kỹ năng thuyết trình các vấn đề sau khi kết thúc chương trình học					
23	Bạn đã đạt được ở mức độ nào về Kỹ năng vận dụng vào thực tế sau khi kết thúc chương trình học					
24	Bạn đã đạt được ở mức độ nào về Kỹ năng giải quyết vấn đề sau khi kết thúc chương trình học					
25	Bạn đã đạt được ở mức độ nào về Kỹ năng tìm kiếm và xử lý thông tin sau khi kết thúc chương trình học					
26	Bạn đã đạt được ở mức độ nào về Kỹ năng lập kế hoạch học tập sau khi kết thúc chương trình học					
27	Bạn đã đạt được ở mức độ nào về Kỹ năng nghe, ghi và hiểu bài giảng tại lớp sau khi kết thúc chương trình học					
28	Bạn đã đạt được ở mức độ nào về Kỹ năng sử dụng máy tính sau khi kết thúc chương trình học					
29	Bạn đã đạt được ở mức độ nào về Kỹ năng lập kế hoạch và tổ chức thực hiện kế hoạch sau khi kết thúc chương trình học					
30	Bạn đã đạt được ở mức độ nào về Kỹ năng giao tiếp sau khi kết thúc chương trình học					
31	Bạn đã đạt được ở mức độ nào về Kỹ năng sử dụng ngoại ngữ sau khi kết thúc chương trình học					
32	Bạn đã đạt được ở mức độ nào về Kỹ năng tư duy sáng tạo sau khi kết thúc chương trình học					
33	Bạn đã đạt được ở mức độ nào về Kỹ năng làm việc độc lập sau khi kết thúc chương trình học					
34	Bạn đã đạt được ở mức độ nào về Tính kiên trì, và kỷ luật trong công việc sau khi kết thúc chương trình học					
35	Bạn đã đạt được ở mức độ nào về Ý thức học tập cầu tiến sau khi kết thúc chương trình học					
36	Bạn đã đạt được ở mức độ nào về Ý thức tập thể, cộng đồng sau khi kết thúc chương trình học					
37	Bạn đã đạt được ở mức độ nào về Khả năng lắng nghe, tiếp thu, khắc phục nhược điểm cá nhân khi kết thúc chương trình học					
38	Bạn đã đạt được ở mức độ nào về Đạo đức nghề nghiệp sau khi kết thúc chương trình học					

Đánh giá năng lực chuyên môn		Mức độ hài lòng/đồng ý				
		0	1	2	3	4
39	Bạn đã đạt được ở mức độ nào về kiến thức cơ bản sau khi kết thúc chương trình học					
40	Bạn đã đạt được ở mức độ nào về kiến thức chuyên ngành sau khi kết thúc chương trình học					
41	Nắm kiến thức về quản lý, điều hành					
42	Bạn đã đạt được ở mức độ nào về kiến thức chung về văn hóa, xã hội sau khi kết thúc chương trình học					
43	Bạn đã đạt được ở mức độ nào về Khả năng áp dụng kiến thức vào thực tiễn sau khi kết thúc chương trình học					
44	Kỹ năng xây dựng kế hoạch					
45	Bạn đã đạt được ở mức độ nào về Phương pháp tổ chức và triển khai sau khi kết thúc chương trình học					
46	Bạn đã đạt được ở mức độ nào về Kỹ năng đánh giá, kiểm tra, giám sát sau khi kết thúc chương trình học					

Đánh giá năng lực bản thân theo chuẩn đầu ra		Mức độ hài lòng/đồng ý				
		0	1	2	3	4
47	Chương trình đào tạo cử nhân ngành điều dưỡng đa khoa, xét nghiệm và y tế công cộng					
47.1	Có kiến thức vững vàng về khoa học xã hội, khoa học tự nhiên, khoa học chuyên ngành về khối ngành khoa học sức khỏe và ngành điều dưỡng; các nguyên tắc thực hành điều dưỡng, chăm sóc; lấy bệnh nhân và gia đình làm trung tâm					
47.2	Có kiến thức vững vàng về sự tác động qua lại giữa môi trường và sức khỏe con người; các biện pháp duy trì và cải thiện điều kiện sống để bảo vệ, chăm sóc và nâng cao sức khỏe nhân dân					
47.3	Hiểu biết và hành nghề theo pháp luật nhà nước và đạo đức nghề nghiệp					
47.4	Thực hiện đầy đủ và thành thạo, lập kế hoạch thực hiện và tổ chức thực hiện quy trình điều dưỡng khi chăm sóc người bệnh					
47.5	Thực hành đảm bảo sự an toàn, đảm bảo chất lượng chăm sóc toàn diện ổn định và liên tục. Cung cấp môi trường chăm sóc an toàn và quản lý nguy cơ;					
47.6	Thực hành chăm sóc phù hợp với văn hóa người bệnh. Có đủ khả năng cung cấp và hợp tác trong chăm sóc, thông tin giao tiếp với người bệnh, đồng nghiệp và cộng đồng.					
47.7	Có khả năng thực hiện các mối quan hệ hợp tác với nhóm chăm sóc sức khỏe					
47.8	Sử dụng thuốc hợp lý, an toàn					
47.9	Có khả năng tư vấn, giáo dục sức khỏe cho người bệnh và cộng đồng.					
47.10	Tham gia phòng bệnh và phát hiện sớm các dịch bệnh tại địa phương, đề xuất các biện pháp phối hợp để phòng chống dịch					
47.11	Tổ chức thực hiện tốt y lệnh của thầy thuốc, đề xuất các biện pháp xử lý hợp lý, phối hợp với thầy thuốc để chăm sóc và nâng cao sức khỏe người bệnh					
47.12	Có khả năng áp dụng Y học cổ truyền trong công tác chăm sóc và phòng bệnh					
47.13	Tham gia công tác quản lý ngành, thực hành nghiên cứu khoa học điều dưỡng, tổ chức và đào tạo cán bộ điều dưỡng, nhân viên y tế					
47.14	Sử dụng tối thiểu được một ngoại ngữ để đọc, hiểu và dịch được tài liệu chuyên môn.					

47.15	Có khả năng vi tính đáp ứng được yêu cầu công việc.					
47.16	Có kiến thức vững vàng về khoa học xã hội, khoa học tự nhiên, khoa học chuyên ngành về khối ngành khoa học sức khỏe và ngành điều dưỡng; các nguyên tắc thực hành điều dưỡng, chăm sóc; lấy bệnh nhân và gia đình làm trung tâm					

Đánh giá năng lực bản thân theo chuẩn đầu ra		Mức độ hài lòng/đồng ý				
		0	1	2	3	4
48	Ngành Dược sĩ					
48.1	Có đủ kiến thức khoa học cơ bản và y dược học cơ sở; kiến thức chuyên ngành để có thể vận dụng vào việc: tư vấn, hướng dẫn sử dụng thuốc an toàn, hợp lý; sản xuất thuốc và đảm bảo chất lượng thuốc trong quá trình tồn trữ, lưu thông và phân phối					
48.2	Nắm vững các quy định của pháp luật và chính sách liên quan đến công tác bảo vệ, chăm sóc, nâng cao sức khỏe nhân dân					
48.3	Có phương pháp luận khoa học trong các công tác chuyên môn và nghiên cứu					
48.4	Thực hành tốt trong các lĩnh vực: sản xuất, kiểm nghiệm, tồn trữ, phân phối và tư vấn sử dụng đối với nguyên liệu làm thuốc, các dạng thuốc, mỹ phẩm và thực phẩm chức năng					
48.5	Có khả năng thực hiện và kiểm tra việc thực hiện các quy định, pháp luật về dược					
48.6	Có khả năng xây dựng và triển khai kế hoạch về công tác dược trong các cơ sở y tế, cộng đồng và trong các chương trình y tế quốc gia					
48.7	Hướng dẫn, tư vấn chuyên môn dược cho các thành viên y tế khác					
48.8	Có khả năng thông tin thuốc và tham gia giáo dục cộng đồng về thuốc					
48.9	Sử dụng tối thiểu được một ngoại ngữ để đọc, hiểu và dịch được tài liệu chuyên môn.					
48.10	Có khả năng vi tính đáp ứng được yêu cầu công việc.					

Đánh giá năng lực bản thân theo chuẩn đầu ra		Mức độ hài lòng/đồng ý				
		0	1	2	3	4
49	Ngành Bác sĩ (bao gồm BS đa khoa, RHM, YH dự phòng, YTCC)					
49.1	Nắm được những quy luật cơ bản về cấu tạo, hoạt động và chức năng của cơ thể con người trong trạng thái bình thường và bệnh lý.					
49.2	Nắm được những quy luật cơ bản về sự tác động qua lại giữa môi trường sống và sức khỏe con người, các biện pháp duy trì và cải thiện điều kiện sống để bảo vệ và nâng cao sức khỏe.					
49.3	Nắm được kiến thức cơ bản về y học cơ sở, triệu chứng học, bệnh học, chẩn đoán, xử trí được các bệnh phổ biến tại cơ sở y tế.					
49.4	Nắm được nguyên tắc cơ bản về điều trị, xử trí được một số bệnh thuộc lĩnh vực chuyên khoa sâu và kỹ thuật hiện mới.					
49.5	Hiểu biết luật pháp, chính sách của Nhà nước về công tác chăm sóc, bảo vệ và nâng cao sức khỏe nhân dân.					
49.6	Có phương pháp luận khoa học trong công tác phòng bệnh, chữa bệnh và nghiên cứu khoa học.					
49.7	Thực hiện được công tác tư vấn, giáo dục sức khỏe, tổ chức chăm sóc bảo vệ và					

	nâng cao sức khỏe nhân dân.					
49.8	Đề xuất những biện pháp xử lý thích hợp để chăm sóc, nâng cao sức khỏe cộng đồng và bảo vệ môi trường sức khỏe.					
49.9	Chẩn đoán và xử trí được các bệnh phổ biến và các trường hợp cấp cứu.					
49.10	Chẩn đoán, định hướng điều trị một số bệnh chuyên khoa					
49.11	Thực hiện được một số xét nghiệm của tuyến y tế cơ sở					
49.12	Chỉ định đánh giá được một số xét nghiệm và kỹ thuật thăm dò chức năng cơ bản phục vụ cho chẩn đoán các bệnh thông thường.					
49.13	Phát hiện sớm các bệnh dịch tại địa phương công tác và đề xuất được các biện pháp phòng chống dịch phù hợp và tham gia tổ chức phòng chống dịch.					
49.14	Áp dụng được y học cổ truyền trong công tác phòng và chữa bệnh.					
49.15	Sử dụng tối thiểu được một ngoại ngữ để đọc, hiểu và dịch được tài liệu chuyên môn.					
49.16	Có khả năng vi tính đáp ứng được yêu cầu công việc.					

50. Xin anh/chị cho biết điểm mạnh của khóa học?

.....

51. Xin anh/chị cho biết điểm yếu của khóa học:

.....

Nhà trường cảm ơn các anh/chị đã đóng góp ý kiến và chúc anh/chị thành công trong học tập!